

Số: 203/QĐ-TTYT

Tiên Yên, ngày 14 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

“V/v công khai tình hình quản lý, xử lý, sử dụng và mua sắm tài sản công năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên”

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TIÊN YÊN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/06/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/ND - CP ngày 15/9/2024 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều so điều của Nghị định số 151/2017/ND - CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn 946/SYT-KHTC ngày 12/03/2025 của Sở Y tế về việc thực hiện công khai, minh bạch trong việc bố trí, quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị;

Xét đề nghị của phòng tài chính kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình quản lý, xử lý, sử dụng và mua sắm tài sản công năm 2024 tại Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trong ban Giám đốc, Trưởng khoa phòng, Trạm trưởng Trạm Y tế xã, thị trấn và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- BGĐ(b/c);
- Nhu điều 3;
- Lưu: TCKT,VT.

GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Thế

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên
Mã đơn vị: 1123958
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						71.763.689						
3	Xe ô tô						968.000						
	Xe oto cứu thương 14A - 023.13	Chiếc	1	FORD	Trung Quốc	2024	968.000						
4	Tài sản cố định khác						70.795.689						
	Bàn ghế các loại (màn chắn gây mê)	Chiếc	1	Hãng sx: Jiangsu Saikang Medical	Trung Quốc	2024	136.000	Đấu thầu					
	Bàn ghế các loại (màn chắn gây mê) 2	Chiếc	1	Hãng sx: Jiangsu Saikang Medical	Trung Quốc	2024	136.000	Đấu thầu					
	Bàn ghế các loại (màn chắn gây mê) 3	Chiếc	1	Hãng sx: Jiangsu Saikang Medical	Trung Quốc	2024	136.000	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Bàn điều chỉnh nghiêng quay (điều khiển điện)	Cái	1	Hãng sx: Changzhou Kondak Medical Rehabilitation Equipment	Trung Quốc	2023	55.000	Đấu thầu					
	Bàn khám phụ khoa	Chiếc	1	Hãng sx: Jiangsu Saikang Medical	Trung Quốc	2024	90.000	Đấu thầu					
	Bàn mổ	Cái	1	Hãng sx: Alvo	Ba Lan	2024	1.042.000	Đấu thầu					
	Bàn mổ 2	Cái	1	Hãng sx: Alvo	Ba Lan	2024	1.042.000	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ	1	Hãng sx: Tekno-medical optik-Chirurgie GmbH	Đức	2024	23.000						
	Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa	Bộ	1	Hãng sx: Rebstock Instruments GmbH	Đức	2023	248.528	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa nhi	Bộ	1	Hãng sx: Tekno-Medical Optik - Chirurgie GmbH	Đức	2023	175.000	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	1	Hãng sx: Nopa Instruments medizintechnik GmbH	Đức	2023	11.300	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu		1	Hãng sx: Nopa Instruments medizintechnik GmbH	Đức	2023	11.300	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu		1	Hãng sx: Nopa Instruments medizintechnik GmbH	Đức	2023	11.300	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	1	Hãng sx: Nopa Instruments medizintechnik GmbH	Đức	2023	11.300	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu		1	Hãng sx: Nopa Instruments medizintechnik GmbH	Đức	2023	11.300	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu		1	Hãng sx: Nopa Instrumente medizintechnik GmbH	Đức	2023	11.300	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	1	Hãng sx: Nopa Instrumente medizintechnik GmbH	Đức	2023	11.300	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu		1	Hãng sx: Nopa Instrumente medizintechnik GmbH	Đức	2023	11.300	Đấu thầu					
	Bộ dụng cụ trung phẫu	Bộ	1	Hãng sx: Tekno-Medical Optik - chirurgie GmbH	Đức	2023	83.000	Đấu thầu					
	Bộ hút dẫn lưu dịch màng phổi	Cái	1	Hãng sx: Cagdas Elektronik Medikal Sistemler Sanayi Ve Ticaret Limited Sirketi	Thổ Nhĩ Kỳ	2024	19.800						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Bộ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình nhi (Chi dưới)	Bộ	1	Hãng sx: Rebstock Insrument s GnbH	Đức	2023	279.582	Đấu thầu					
	Bộ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình nhi (Chi trên)	Bộ	1	Hãng sx: Rebstock Insrument s GnbH	Đức	2023	213.724	Đấu thầu					
	Bơm tiêm điện	Cái	1	Hãng sx: Terumo Corporati on	Nhật Bản	2023	26.000	Đấu thầu					
	Bơm tiêm điện	Cái	1	Hãng sx: Shenzhen Mindray Scientific Co	Trung Quốc	2024	19.000						
	Bơm tiêm điện	Cái	1	Hãng sx: Shenzhen Mindray Scientific Co	Trung Quốc	2024	19.000						
	Bơm tiêm điện 2	Cái	1	Hãng sx: Terumo Corporati on	Nhật Bản	2023	26.000	Đấu thầu					
	Bơm tiêm điện 3	Cái	1	Hãng sx: Terumo Corporati on	Nhật Bản	2023	26.000	Đấu thầu					
	Bơm tiêm điện 4	Cái	1	Hãng sx: Terumo Corporati on	Nhật Bản	2023	26.000	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Bơm tiêm điện 5	Cái	1	Hãng sx: Terumo Corporation	Nhật Bản	2023	26.000	Đấu thầu					
	Đèn chiếu điều trị vàng da (kèm thiết bị đo cường độ ánh sáng)	Chiếc	1	Hãng sx: Cty TNHH chuyên giao công nghệ và dịch vụ y tế	Việt Nam	2024	95.000	Đấu thầu					
	Đèn khám và làm tiểu phẫu 1	Cái	1	Hãng sx: Nanjing Mindray Bio-Medical electronics	Trung Quốc	2024	130.000	Đấu thầu					
	Đèn khám và làm tiểu phẫu 2	Cái	1	Hãng sx: Nanjing Mindray Bio-Medical electronics	Trung Quốc	2024	130.000	Đấu thầu					
	Đèn khám và làm tiểu phẫu 3	Cái	1	Hãng sx: Nanjing Mindray Bio-Medical electronics	Trung Quốc	2024	130.000	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đèn khám và làm tiểu phẫu 4	Cái	1	Hãng sx: Nanjing Mindray Bio-Medical electronics	Trung Quốc	2024	130.000	Đấu thầu					
	Đèn khám và làm tiểu phẫu 5	Cái	1	Hãng sx: Nanjing Mindray Bio-Medical electronics	Trung Quốc	2024	130.000	Đấu thầu					
	Đèn mổ treo trần	Cái	1	Hãng sx: Nanjing Mindray Bio-Medical Electronics	Trung Quốc	2024	760.000	Đấu thầu					
	Điều hòa Gree 12.000BTU	Cái	1	Hãng sx: Gree	Trung Quốc	2024	12.000	Chỉ định thầu					
	Điều hòa Gree 12.000BTU	Cái	1	Hãng sx: Gree	Trung Quốc	2024	12.500	Chỉ định thầu					
	Điều hòa Gree 12.000BTU	Cái	1	Hãng sx: Gree	Trung Quốc	2024	12.500	Chỉ định thầu					
	Điều hòa Gree 12.000BTU	Cái	1	Hãng sx: Gree	Trung Quốc	2024	12.500	Chỉ định thầu					
	Điều hòa Gree 12.000BTU	Cái	1	Hãng sx: Gree	Trung Quốc	2024	12.000	Chỉ định thầu					
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					

[illegible]

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225	Đấu thầu					
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792	Đấu thầu					
	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 0,55 Tesla		1	Hãng sx: Siemens Shenzhen Magnetic Resonance Ltd	Trung Quốc	2024	19.680.000						
	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	Aesculap	Đức	2024	850.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Hệ thống phẫu thuật mắt Phaco	Hệ thống	1	Oertli Instrmente AG	Thụy Sĩ	2023	1.384.950						
	Hệ thống thiết bị phẫu thuật nội soi ổ bụng full HD	Hệ thống	1	Aesculap	Đức	2024	2.841.000						
	Hệ thống: khoan, cưa, mài xương phẫu thuật thần kinh đa năng	Hệ thống	1	Aesculap	Đức	2024	1.375.000						
	Kính hiển vi phẫu thuật	Bộ	1		Nhật Bản	2023	249.500						
	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	1	Hãng sx: Okuman medikal sistemler anonim sirketi	Thổ Nhĩ Kỳ	2024	345.000	Đấu thầu					
	Máy chiếu thử thị lực	Cái	1	Hãng sx: Towa Medical Instruments Co	Nhật Bản	2024	49.000						
	Máy điện não	Cái	1	Hãng sx: Neurovirtual USA Inc	Mỹ	2024	589.890						
	Máy điện tim	Cái	1	Hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2023	65.000	Đấu thầu					
	Máy điện tim 2	Cái	1	Hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2023	65.000	Đấu thầu					
	Máy điện xung, điện phân	Cái	1	Hãng sx: BTL Industries	Bungari	2023	135.000	Đấu thầu					

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy Doppler tim thai	Cái	1	Hãng sx: Ultrasound Technologies	Anh	2023	28.800	Đấu thầu					
	Máy đốt điện cổ tử cung	Máy	1	Hãng sx: Cooper Surgical	Mỹ	2024	358.000	Đấu thầu					
	Máy gây mê (Monitor theo dõi khí mê)	Máy	1	Hãng sx: Shenzhen Mindray Bio-medical electronics	Trung Quốc	2024	668.000	Đấu thầu					
	Máy scan	Cái	1	Epson DS-53011	In-đô-nê-xi-a	2024	12.300						
	Máy siêu âm AB	Máy	1		Mỹ	2023	599.970						
	Máy tập khớp gối	máy	1	Hãng sx: BTL Industries	Bungari	2023	220.000	Đấu thầu					
	Máy tập khớp vai	Máy	1	Hãng sx: Changzhou Kondak Medical rehabilitation Equipment	Trung Quốc	2023	65.000	Đấu thầu					
	Máy thận nhân tạo	Máy	1	Hãng sx: B.Braun Avitum AG	Đức	2023	365.000	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy thận nhân tạo 2	Máy	1	Hãng sx: B.Braun Avitum AG	Đức	2023	365.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	1	Hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2023	170.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân	Chiếc	1	Hãng sx: shenzhen Mindray Bio - Medical electronics	Trung Quốc	2024	70.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân 2		1	Hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2023	170.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân 2	Chiếc	1	Hãng sx: shenzhen Mindray Bio - Medical electronics	Trung Quốc	2024	70.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân 3	Chiếc	1	Hãng sx: shenzhen Mindray Bio - Medical electronics	Trung Quốc	2024	70.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân 3		1	Hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2023	170.000	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy theo dõi bệnh nhân 4	Chiếc	1	Hãng sx: shenzhen Mindray Bio - Medical electronics	Trung Quốc	2024	70.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân 5	Chiếc	1	Hãng sx: shenzhen Mindray Bio - Medical electronics	Trung Quốc	2024	70.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Chiếc	1	Hãng sx: Trismed	Hàn Quốc	2024	75.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng 2	Chiếc	1	Hãng sx: Trismed	Hàn Quốc	2024	75.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng 3	Chiếc	1	Hãng sx: Trismed	Hàn Quốc	2024	75.000	Đấu thầu					
	Máy thở các loại	Máy	1	hãng sx: Vyaire Medical	Mỹ	2023	588.000	Đấu thầu					
	Máy tiết trùng nhiệt độ thấp (Đầu đọc mã hóa chất)	Cái	1	Hãng sx: Zeronitec	Hàn Quốc	2023	1.580.000	Đấu thầu					
	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Máy	1	Hãng sx: Siemens Healthcare Diagnostics Manufacturing	I-Ran	2023	1.977.000	Đấu thầu					
	Máy XN nước tiểu	Cái	1	ARKRAY Factory Inc	Nhật Bản	2024	768.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy Xquang C-arm	Máy	1	Hãng sx: general medical merate S.p.A	Italia	2024	2.780.000						
	Máy Xquang kỹ thuật số chụp tổng quát	Hệ thống	1	Hãng sx: Shimadzu Corporation	Nhật Bản	2023	2.010.000	Đấu thầu					
	Nồi hấp tiệt trùng nhiệt độ cao	Máy	1	Hãng sx: Jiangyin Binjiand medical equipment	Trung Quốc	2023	30.000	Đấu thầu					
	PCCC - Hệ thống PCCC tổng mặt bằng	Hệ thống	1	Máy bơm chữa cháy động cơ điện H ≥ 75-50m, Q ≥ 54-150 m3/h		2020	1.969.926						
	PCCC - Khối nhà KB, NV và Đtri (5 Tầng)	Hệ thống	1	Hệ thống báo cháy tự động Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố Hệ thống chữa cháy		2020	815.195						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	PCCC - SC nhà 3 tầng	Hệ thống	1	Hệ thống báo cháy, Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố, Hệ thống chữa cháy		2020	734.372						
	PCCC - SC nhà ngoại sản	Hệ thống	1	Hệ thống báo cháy tự động		2020	507.615						
	Thang máy chở cáng tải trọng 1000kg, tốc độ 90m/phút, 5 điểm dừng, điều khiển đơn	Cái	1				2.053.157	Đấu thầu					
	Thang máy chở khách tải trọng 800kg, tốc độ 90m/phút, 5 điểm dừng, điều khiển đơn	Cái	1				1.794.290	Đấu thầu					
	Thiết bị khí y tế + xây lắp + ps bsung	Hệ thống	1		Hy-lạp		3.848.288	Đấu thầu					
	Thiết bị nha khoa (ORT-580)		1	ORTOR	Trung Quốc	2021	52.000						
	Thiết bị phòng mô + xây lắp + ps bsung	Hệ thống	1		Việt Nam	2020	4.023.818	Đấu thầu					
	Thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	hệ thống	1	HP, Cisco	Trung Quốc	2020	5.103.560	Đấu thầu					
	Tủ sấy parafin	Cái	1	Hãng sx: Công ty cổ phần điện tử y tế Medda	Việt Nam	2023	124.500	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân nằm	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân nằm 10	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Ngàn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Ngàn đồng)	Được để lại đơn vị (Ngàn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Xe đẩy bệnh nhân năm 2	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân năm 3	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân năm 4	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân năm 5	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân năm 6	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân năm 7	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân năm 8	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
	Xe đẩy bệnh nhân năm 9	Cái	1	Hãng sx: Hải Hà	Việt Nam	2023	19.000	Đấu thầu					
II	Tài sản giao mới						91.548.192						
1	Đất khuôn viên						50.752.800						
	Khuôn viên đất, Phố Lý Thường Kiệt, Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh	Khuôn viên	1				50.752.800						
2	Nhà						37.828.461						
	Nhà đặt máy bơm nước	Cái	1				320.343						
	Nhà để xe bệnh nhân	Cái	1				285.806						
	Nhà dự phòng	Cái	1				200.900						
	Nhà khám bệnh, nghiệp vụ và điều trị (Nhà 5 tầng)	Cái	1				33.673.429						
	Nhà oxy, Khí nén	Cái	1				311.837						
	Nhà tài vụ (KSDB - vacxin)	Cái	1				44.280						
	Nhà trạm y tế Đông Ngũ	Cái	1				2.991.866						

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	15.225						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Ngàn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Ngàn đồng)	Được để lại đơn vị (Ngàn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	22.792						
	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	12.474						
	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	12.474						
	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Cái	1	Hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2020	12.474						

[illegible]

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)		1	Hãng sx: Việt Thái	Việt Nam	2020	19.500						
	Máy lọc nước RO 500l/h	Cái	1	Máy lọc nước RO ≥ 500l/h			128.084						
	Nhà cầu - nối Khu B với Nhà ăn	Cái	1				476.009						
V	Tài sản có phương thức hình thành khác						837.387						
4	Tài sản cố định khác						837.387						
	Máy phát điện 3 pha 180KVA - ATS	Cái	1				837.387						
	Tổng cộng						164.149.268						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Ty Sông Hương

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bùi Văn Thế

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên
Mã đơn vị: 1123958
Loại hình đơn vị: Khóis sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất trạm y tế xã Đại Dực tại Thôn Khe Lục	1.335	24.012		1.335																	
2	Nhà trạm y tế xã Đại Dực tại Thôn Khe Lục									2020	700	1.938.278	996.307		700							
3	Đất trạm y tế xã Đại Thành tại Thôn Khe Lặc	2.052	36.936		2.052																	
4	Nhà trạm y tế xã Đại Thành tại Thôn Khe Lặc									2008	450	1.535.314			450							
5	Đất trạm y tế xã Diên Xá tại Thôn Pắc Phai	830	149.000		830																	
6	Nhà trạm y tế xã Diên Xá tại Thôn Pắc Phai									2003	320	444.492			320							
7	Đất trạm y tế xã Đông Hải tại Thôn Làng Đải	535	347.100		535																	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
8	Nhà trạm y tế xã Đông Hải tại Thôn Làng Đài									2010	535	1.293.455	8.149		535						
9	Đất trạm y tế xã Đông Ngũ tại Thôn Đông Ngũ	1.225	795.600		1.225																
10	Nhà trạm y tế xã Đông Ngũ tại Thôn Đông Ngũ									2000	600	484.716			600						
11	Đất trạm y tế xã Hà Lâu tại Thôn Bắc Lù	1.074	91.400		1.074																
12	Nhà trạm y tế xã Hà Lâu tại Thôn Bắc Lù									2010	135	1.475.016			135						
13	Đất trạm y tế xã Hải Lạng tại Hải Lạng	593	128.800		593																
14	Nhà trạm y tế xã Hải Lạng tại Hải Lạng									2008	500	1.349.709			500						
15	Đất trạm y tế xã Phong Dụ tại Thôn Tênh Pò	1.226	83.160		1.226																
16	Nhà trạm y tế xã Phong Dụ tại Thôn Tênh Pò									2008	298	1.035.045			298						
17	Đất trạm y tế xã Tiên Lãng tại Tiên Lãng	819	2.448.511		819																

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
18	Nhà trạm y tế xã Tiên Lãng tại Tiên Lãng									2010	416	1.412.368	8.898		416						
19	Đất trạm y tế xã Yên Than tại Thôn Tài Tùng	756	604.800		756																
20	Nhà trạm y tế xã Yên Than tại Thôn Tài Tùng									2008	220	609.778			220						
21	Khuôn viên đất,Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh tại Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh	24.168	50.752.800		24.168																
22	Nhà cầu - nơi Khu B với Nhà ăn tại Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2020	140	476.009	238.005		140						
23	Nhà đa năng tại Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2021	310	1.125.031	824.873		310						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
24	Nhà đặt máy bơm nước tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2020	30	320.343	213.508		30						
25	Nhà để xe bệnh nhân tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2020	296	285.806	190.490		296						
26	Nhà để xe nhân viên tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2020	267	93.450	62.284		267						
27	Nhà điều trị chuyên khoa tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2014	2.934	14.290.740	8.002.814		2.934						
28	Nhà dự phòng tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									1974	412	200.900			412						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
29	Nhà khám bệnh, nghiệp vụ và điều trị (Nhà 5 tầng) tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2020	5.200	33.673.429	26.938.743		5.200							
30	Nhà kho trung tâm tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2014	50	475.446	126.611		50							
31	Nhà Khoa Chong nhiễm khuẩn tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2010	145	1.411.844			145							
32	Nhà Khoa anm dưỡng tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2010	227	1.062.883			227							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
33	Nhà Khoa giải phẫu bệnh viện tại Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2010	143	576.294			143						
34	Nhà Khoa truyền nhiễm tại Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2010	776	1.702.787			776						
35	Nhà nghiệp vụ tại Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2010	2.835	9.560.534			2.835						
36	Nhà ngoại san tại Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2003	1.900	2.967.188	356.063		1.900						
37	Nhà oxy, Km nen tại Phố Lý Thường kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									2020	50	311.837	207.839		50						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
38	Nhà tài vụ (KSDB vacxin) tại Phố Lý Thường Kiệt,Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh									1974	76	44.280			76						
39	Cải tạo nhà trạm y tế xã Đại Dực									2022	1	495.900	297.441		1						
40	Cải tạo nhà trạm y tế xã Đại Dực (Đại Thành)									2022	450	670.063	491.290		450						
41	Nhà trạm y tế Đông Ngũ									2024	410	2.991.866	2.792.309		410						
42	Nhà trạm y tế thị trấn Tiên Yên									2022	300	352.239	258.262		300						
43	Nhà trạm y tế xã Đại Dực									2022	700	1.358.847	905.672		700						
44	Nhà trạm y tế xã Diên Xá									2022	320	427.948	256.683		320						
45	Nhà trạm y tế xã Đông Hải									2022	535	410.548	301.014		535						
46	Nhà trạm y tế xã Đông Ngũ									2022	600	527.900	281.423		600						
47	Nhà trạm y tế xã Đồng Rui									2022	1.648	3.019.895	2.415.614		1.648						
48	Nhà trạm y tế xã Hà Lâu									2022	135	308.000	143.651		135						
49	Nhà trạm y tế xã Hải Lạng									2022	500	270.041	161.971		500						
50	Nhà trạm y tế xã Phong Dụ									2022	298	336.000	179.122		298						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
51	Nhà trạm y tế xã Yên Than									2022	220	334.575	222.994		220						
	Tổng cộng:	34.613	55.462.119		34.613						26.082	91.660.794	46.882.029		26.082						

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ty Sông Hương

Bùi Văn Thế

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên
Mã đơn vị: 1123958
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		4	3.283.837	1.488.000	1.795.837	1.038.814							
1	FORD - BKS 14A - 023.13	Vận Tải	1	968.000	968.000		903.434			x				
2	MITSUBISHI - BKS 14A - 000.07	Vận Tải	1	1.035.517		1.035.517	34.207			x				
3	TOYOTA - BKS 14A - 015.65	Vận Tải	1	760.320		760.320	101.173			x				
4	TOYOTA - BKS 14D - 0009	Vận Tải	1	520.000	520.000					x				
II	Tài sản cố định khác		971	175.599.313	133.750.206	41.849.107	62.931.753							
1	Máy tính để bàn	Khoa CC Lưu	1	11.800		11.800				x				
2	Máy tính	Khoa KSDB & HIV	1	15.202		15.202				x				
3	Máy tính	Khoa KSDB & HIV	1	11.990		11.990				x				
4	Máy tính	Khoa KSDB & HIV	1	15.202		15.202				x				
5	Máy tính	Khoa KSDB & HIV	1	15.202		15.202				x				
6	Máy thở Vsmart	Khoa HSCC	1	106.000		106.000	68.143			x				
7	Máy tính để bàn	Khoa Phòng Khám	1	11.800		11.800				x				
8	Máy thở Vsmart	Khoa HSCC	1	106.000		106.000	44.520			x				
9	Máy thở chức năng cao dành cho người lớn và TE	Khoa HSCC	1	897.000		897.000	149.500			x				
10	Máy thở chức năng cao	Khoa HSCC	1	368.000		368.000				x				
11	Máy thở các loại	Khoa Nhi	1	588.000	588.000		514.500			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp (Đầu đọc mã hóa chất)	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	1.580.000	1.580.000		1.382.500			x				
13	Máy tính để bàn	Khoa Dược	1	11.800		11.800				x				
14	Máy tính để bàn	Khoa HSCC	1	11.800		11.800				x				
15	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng 3	Khoa Sản	1	75.000	75.000		65.625			x				
16	Máy tính để bàn	Khoa Nhi	1	11.800		11.800				x				
17	Máy tính để bàn	Khoa Dược	1	11.800		11.800				x				
18	Máy tính để bàn	Khoa Nhi	1	11.800		11.800				x				
19	Máy tính để bàn	Khoa Đông Y	1	11.800		11.800				x				
20	Máy tính để bàn	Khoa CĐHA	1	11.800		11.800				x				
21	Máy tính để bàn	Khoa Phòng Khám	1	11.800		11.800				x				
22	Máy tính để bàn	Khoa CĐHA	1	11.800		11.800				x				
23	Máy tính để bàn	Khoa Chuyên Khoa	1	11.800		11.800				x				
24	Máy tính để bàn	Khoa Dược	1	11.800		11.800				x				
25	Máy tính để bàn	Khoa Nội	1	11.800		11.800				x				
26	Máy tính để bàn	Khoa CĐHA	1	11.800		11.800				x				
27	Máy tính để bàn	Khoa Xét Nghiệm	1	11.800		11.800				x				
28	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng 2	Khoa Sản	1	75.000	75.000		65.625			x				
29	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (có EtCO2)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	98.000		98.000	73.500			x				
30	Máy tính để bàn	Khoa CC Lưu	1	11.800		11.800				x				
31	Máy SPO2 cầm tay	Khoa Dược	1	24.950		24.950				x				
32	Máy SPO2 cầm tay	Khoa Nội	1	24.950		24.950				x				
33	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	28.960	28.960					x				
34	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	28.960	28.960					x				
35	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	28.960	28.960					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
36	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Yên Than	1	28.960	28.960		8.688			x				
37	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	28.960	28.960					x				
38	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	28.960	28.960					x				
39	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	28.960	28.960					x				
40	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	28.960	28.960					x				
41	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	28.960	28.960					x				
42	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	28.960	28.960					x				
43	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Khoa Sản	1	75.000	75.000		65.625			x				
44	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế xã Điền Xá	1	28.960	28.960					x				
45	Máy tập khớp gối	Khoa Đông Y	1	220.000	220.000		192.500			x				
46	Máy tập khớp vai	Khoa Đông Y	1	65.000	65.000		56.875			x				
47	Máy thận nhân tạo	Khoa HSCC	1	365.000	365.000		319.375			x				
48	Máy thận nhân tạo 2	Khoa HSCC	1	365.000	365.000		319.375			x				
49	Máy theo dõi bệnh nhân	Khoa HSCC	1	170.000	170.000		148.750			x				
50	Máy theo dõi bệnh nhân (monitor có EtCO2)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	70.000	70.000		61.250			x				
51	Máy theo dõi bệnh nhân 2	Khoa CC Lưu	1	70.000	70.000		61.250			x				
52	Máy theo dõi bệnh nhân 2	Khoa HSCC	1	170.000	170.000		148.750			x				
53	Máy theo dõi bệnh nhân 3	Khoa Ngoại	1	70.000	70.000		61.250			x				
54	Máy theo dõi bệnh nhân 3	Khoa HSCC	1	170.000	170.000		148.750			x				
55	Máy theo dõi bệnh nhân 4	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	70.000	70.000		61.250			x				
56	Máy theo dõi bệnh nhân 5	Khoa Nội	1	70.000	70.000		61.250			x				
57	Máy tạo oxy di động	Trạm Y tế thị trấn Tiên Yên	1	28.960	28.960					x				
58	Máy tính để bàn	Khoa Dược	1	11.800		11.800				x				
59	Máy tính để bàn	Khoa Đông Y	1	11.800		11.800				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
60	Máy soi cổ tử cung	Khoa Sản	1	73.000	73.000					x				
61	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	12.890	12.890		7.734			x				
62	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Phòng tổ chức-hành chính	1	12.890	12.890		7.734			x				
63	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Đại Dục	1	12.890	12.890		7.734			x				
64	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	12.890	12.890		7.734			x				
65	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Ngoại	1	14.400	14.400					x				
66	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng tổ chức-hành chính	1	14.400	14.400					x				
67	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng tài chính kế toán	1	14.400	14.400					x				
68	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Ngoại	1	14.400	14.400					x				
69	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng tài chính kế toán	1	14.400	14.400					x				
70	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.400	14.400					x				
71	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng tổ chức-hành chính	1	14.400	14.400					x				
72	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.400	14.400					x				
73	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế thị trấn Tiên Yên	1	12.890	12.890		7.734			x				
74	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng Điều Dưỡng	1	14.400	14.400					x				
75	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng tài chính kế toán	1	14.400	14.400					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
76	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng Điều Dưỡng	1	14.400	14.400					x				
77	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Ngoại	1	14.400	14.400					x				
78	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.400	14.400					x				
79	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng tổ chức-hành chính	1	14.400	14.400					x				
80	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Ngoại	1	14.400	14.400					x				
81	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa CC Lưu	1	14.400	14.400					x				
82	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.400	14.400					x				
83	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng Điều Dưỡng	1	14.400	14.400					x				
84	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	14.400	14.400					x				
85	Máy tính FPT Eled T710TN	Khoa Chuyên Khoa	1	13.652	13.652					x				
86	Máy tính FPT Eled T710TN	Phòng Truyền thông và Dân số	1	13.652	13.652					x				
87	Máy tính FPT +Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.400	14.400					x				
88	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	12.890	12.890		7.734			x				
89	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	12.890	12.890		7.734			x				
90	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Điện Xá	1	12.890	12.890		7.734			x				
91	Máy tính để bàn	Khoa Xét Nghiệm	1	11.800		11.800				x				
92	Máy tính để bàn	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	11.800		11.800				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
93	Máy tính để bàn	Khoa CĐHA	1	11.800		11.800				x				
94	Máy tính để bàn	Khoa CĐHA	1	11.800		11.800				x				
95	Máy tính để bàn	Khoa Dược	1	11.800		11.800				x				
96	Máy tính để bàn	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	11.800		11.800				x				
97	Máy tính để bàn	Khoa Xét Nghiệm	1	11.800		11.800				x				
98	Máy tính để bàn	Phòng tài chính kế toán	1	11.800		11.800				x				
99	Máy tính để bàn	Khoa Phòng Khám	1	11.800		11.800				x				
100	Máy tính để bàn	Khoa Chông nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	11.800		11.800				x				
101	Máy tính để bàn	Khoa CC Lưu	1	11.800		11.800				x				
102	Máy tính để bàn	Khoa Phòng Khám	1	11.800		11.800				x				
103	Máy tính để bàn	Phòng tài chính kế toán	1	11.800		11.800				x				
104	Máy tính để bàn	Khoa Chuyên Khoa	1	11.800		11.800				x				
105	Máy tính để bàn	Khoa Phòng Khám	1	11.800		11.800				x				
106	Máy tính để bàn	Khoa Dược	1	11.800		11.800				x				
107	Máy tính để bàn	Phòng tài chính kế toán	1	11.800		11.800				x				
108	Máy tính để bàn	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	11.800		11.800				x				
109	Máy tính để bàn	Khoa Phòng Khám	1	11.800		11.800				x				
110	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	12.890	12.890		7.734			x				
111	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.890	12.890		7.734			x				
112	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.890	12.890		7.734			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
113	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	12.890	12.890		7.734			x				
114	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	12.890	12.890		7.734			x				
115	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Khoa Phòng Khám	1	12.890	12.890		7.734			x				
116	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	12.890	12.890		7.734			x				
117	Máy tính để bàn TQY2352514 (Bao gồm cả lưu điện UpSelec USS650)	Trạm Y tế xã Yên Than	1	12.890	12.890		7.734			x				
118	Máy tính để bàn	Khoa Dược	1	11.800		11.800				x				
119	Máy sinh hóa tự động (Bao gồm điện giải 800 xét nghiệm/giờ)	Khoa Xét Nghiệm	1	731.291		731.291	219.387			x				
120	Máy siêu âm trắng đen số hóa	Khoa HSCC	1	520.000		520.000				x				
121	Máy tính FPT Eled T710TN	Phòng tổ chức-hành chính	1	13.652	13.652					x				
122	Máy Doppler tim thai	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	28.800	28.800		25.200			x				
123	Máy Doppler tim thai	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	28.800	28.800		25.200			x				
124	Máy Doppler tim thai	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	28.800	28.800		25.200			x				
125	Máy Doppler tim thai	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	28.800	28.800		25.200			x				
126	Máy Doppler tim thai	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	28.800	28.800		25.200			x				
127	Máy Doppler tim thai	Trạm Y tế xã Điền Xá	1	28.800	28.800		25.200			x				
128	Máy đốt cổ tử cung	Khoa Sản	1	24.000	24.000					x				
129	Máy đốt điện cổ tử cung	Khoa Sản	1	358.000	358.000		313.250			x				
130	Máy gây mê	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	668.000	668.000		584.500			x				
131	Máy gây mê kèm thở, máy nén khí	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	611.334		611.334				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
132	Máy giặt công nghiệp	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	205.840		205.840				x				
133	Máy giặt vắt công nghiệp	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	327.000	327.000					x				
134	Máy Doppler tim thai	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	28.800	28.800		25.200			x				
135	Máy giặt vắt công nghiệp	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	541.860	541.860					x				
136	Máy hút âm	Khoa Sản	1	13.000		13.000				x				
137	Máy hút dịch	Khoa CC Lưu	1	15.000		15.000				x				
138	Máy hút dịch	Khoa Nhi	1							x				
139	Máy hút dịch 2 bình	Khoa HSCC	1	26.500		26.500				x				
140	Máy hút dịch áp lực thấp	Khoa HSCC	1	18.000		18.000				x				
141	Máy hút dịch áp lực thấp	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	18.700		18.700				x				
142	Máy hút dịch áp lực thấp	Khoa Dược	1	18.700		18.700				x				
143	Máy hút dịch chạy điện	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	27.459	27.459					x				
144	Máy hút dịch màng phổi áp lực âm	Khoa Ngoại	1	74.900		74.900				x				
145	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	16.590	16.590					x				
146	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Yên Than	1	16.590	16.590					x				
147	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	16.590	16.590					x				
148	Máy hấp tiệt trùng (3391)	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	381.700		381.700				x				
149	Máy đo ứng suất nhiệt	Khoa Y tế công cộng	1	17.000		17.000				x				
150	Máy đo tốc độ gió	Khoa Y tế công cộng	1	21.950		21.950				x				
151	Máy đo nồng độ oxy trong máu SPO2	Khoa CDHA	1	25.000		25.000				x				
152	Máy điện tim 6 cần	Khoa CDHA	1	64.800		64.800				x				
153	Máy điện tim 6 cần	Khoa Nội	1	76.025		76.025				x				
154	Máy điện tim 6 cần	Khoa Phòng Khám	1	56.000		56.000				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
155	Máy điện tim 6 cần	Khoa CC Lưu	1	72.000		72.000				x				
156	Máy điện xung, điện phân	Khoa Đông Y	1	135.000	135.000		118.125			x				
157	Máy điều hòa Gree 18000 BTU 2 chiều	Trạm Y tế xã Điền Xá	1	18.800	18.800		11.750			x				
158	Máy điều hòa Gree 9000 BTU 2 chiều	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	12.500	12.500		7.813			x				
159	Máy điều hòa Gree 9000 BTU 2 chiều	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	12.500	12.500		7.813			x				
160	Máy điều hòa Gree 9000 BTU 2 chiều	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	12.500	12.500		7.813			x				
161	Máy điều hòa Gree 9000 BTU 2 chiều	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	12.500	12.500		7.813			x				
162	Máy điều trị tần số thấp	Khoa Đông Y	1	69.285		69.285				x				
163	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ	Khoa Xét Nghiệm	1	1.848.000	1.848.000		1.617.000			x				
164	Máy đo chức năng hô hấp	Khoa CĐHA	1	139.900		139.900				x				
165	Máy đo cường độ ánh sáng	Khoa Y tế công cộng	1	19.950		19.950				x				
166	Máy đo độ ẩm và nhiệt độ môi trường	Khoa Y tế công cộng	1	10.975		10.975				x				
167	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Khoa CC Lưu	1	16.800		16.800	12.600			x				
168	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu - K.Nhi	Khoa Nhi	1	16.800		16.800	12.600			x				
169	Máy đo độ loãng xương bằng sóng siêu âm	Khoa CĐHA	1	293.000		293.000				x				
170	Máy đo độ ồn	Khoa Y tế công cộng	1	75.850		75.850				x				
171	Máy đo khúc xạ giác mạc	Khoa Chuyên Khoa	1	189.000	189.000		165.375			x				
172	Máy đo khúc xạ tự động	Khoa Chuyên Khoa	1	65.900		65.900				x				
173	Máy đo lực bóp tay hiện số	Khoa Y tế công cộng	1	14.980		14.980				x				
174	Máy đo lực bóp tay và máy đo áp lực chân	Khoa Phòng Khám	1	48.000		48.000				x				
175	Máy đo nhãn áp	Khoa Chuyên Khoa	1	210.000	210.000		183.750			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
176	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu SPO2	Khoa Sản	1	25.500		25.500				x				
177	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu SPO2	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	25.500		25.500				x				
178	Máy đo nồng độ oxy trong máu SPO2	Khoa Nhi	1	25.000		25.000				x				
179	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Điện Xá	1	16.590	16.590					x				
180	Máy sinh hiển vi khám mắt	Khoa Chuyên Khoa	1	98.000		98.000				x				
181	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	16.590	16.590					x				
182	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	16.590	16.590					x				
183	Máy photocopy đa chức năng	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	46.900		46.900				x				
184	Máy photocopy loại 1	Phòng tổ chức-hành chính	1	87.750	87.750					x				
185	Máy phun hóa chất khử trùng	Khoa KSDB & HIV	1	40.240		40.240				x				
186	Máy phun hóa chất khử trùng	Khoa KSDB & HIV	1	40.240		40.240				x				
187	Máy quét HP ScanJet Pro 3000S3	Phòng tổ chức-hành chính	1	12.500		12.500				x				
188	Máy SA Doppler mau san khoa + Bộ phụ kiện đi kèm máy SA(1 bộ lưu điện UPS online2KVA, 1bộ máy tính (Dell, TQ), 1 máy in phun màu(Epson T60)	Khoa Sản	1	1.355.000		1.355.000				x				
189	Máy sắc thuốc và đóng gói tự động	Khoa Đông Y	1	63.500		63.500				x				
190	Máy sấy công nghiệp (Công suất 34kg/mẻ)	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	478.740		478.740	143.622			x				
191	Máy sấy đồ vải	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	436.000	436.000					x				
192	Máy scan	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.180	12.180					x				
193	Máy scan	Phòng tài chính kế toán	1	12.300		12.300	9.840			x				
194	Máy scan	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.220	12.220					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
195	Máy photocopy	Khoa Phòng Khám	1	47.000		47.000				x				
196	Máy siêu âm AB	Khoa Chuyên Khoa	1	599.970	599.970		524.974			x				
197	Máy siêu âm chẩn đoán sách tay	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	188.816	188.816					x				
198	Máy siêu âm chẩn đoán sách tay	Khoa Dược	1	188.816	188.816					x				
199	Máy siêu âm chẩn đoán sách tay	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	171.943	171.943					x				
200	Máy siêu âm chẩn đoán sách tay (Quỹ toàn cầu)	Trạm Y tế xã Điền Xá	1	190.807	190.807					x				
201	Máy siêu âm điều trị đa tần	Khoa Đông Y	1	77.220		77.220				x				
202	Máy siêu âm doppler màu 4D(4 đầu dò)	Khoa CĐHA	1	2.000.000	2.000.000		333.333			x				
203	Máy siêu âm sách tay 2 đầu dò và máy in bao gồm: Đầu dò rẽ quạt, FUT-CS602-5AX; Đầu dò tuyến tính, FUT-LS386-9A; Máy in nhiệt đen trắng UP-X898MD)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	190.853		190.853				x				
204	Máy siêu âm sách tay	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	192.958	192.958					x				
205	Máy siêu âm sách tay	Khoa Dược	1	192.958	192.958					x				
206	Máy siêu âm sách tay	Khoa Dược	1	192.958	192.958					x				
207	Máy siêu âm sách tay	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	192.958	192.958					x				
208	Máy siêu âm tổng quát Doppler màu 4D	Khoa Sản	1	2.100.000	2.100.000		1.350.000			x				
209	Máy siêu âm chẩn đoán sách tay	Khoa Dược	1	188.816	188.816					x				
210	Máy phô tô	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	37.350	37.350					x				
211	Máy phát hiện khí độc	Khoa Y tế công cộng	1	90.725		90.725				x				
212	Máy phát điện Kama	Phòng tổ chức-hành chính	1	15.500		15.500				x				
213	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	16.590	16.590					x				
214	Máy hút nhót sơ sinh DY - 1A	Khoa Sản	1							x				
215	Máy in đen trắng cho máy siêu âm	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	16.873	16.873					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
216	Máy in phim khô	Khoa CĐHA	1	288.000	288.000					x				
217	Máy in phim khô laser	Khoa CĐHA	1	380.000		380.000				x				
218	Máy kéo dẫn cổ cột sống	Khoa Đông Y	1	126.360		126.360				x				
219	Máy khí dung	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	14.800	14.800					x				
220	Máy khí dung	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	14.800	14.800					x				
221	Máy khí dung	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	14.800	14.800					x				
222	Máy khí dung	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	14.800	14.800					x				
223	Máy khí dung	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	14.800	14.800					x				
224	Máy khí dung SA	Khoa Nhi	1	19.800		19.800				x				
225	Máy khí dung SA	Khoa Nội	1	19.800		19.800				x				
226	Máy khoan xương điện	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	32.000		32.000				x				
227	Máy khoan xương điện	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	46.000		46.000	29.571			x				
228	Máy lấy bụi khí kiểu sách tay	Khoa Y tế công cộng	1	119.700		119.700				x				
229	Máy li tâm	Khoa Xét Nghiệm	1	45.600	45.600					x				
230	Máy li tâm	Khoa Xét Nghiệm	1	98.829		98.829				x				
231	Máy lọc nước RO 500l/h	Phòng tổ chức-hành chính	1	128.084	128.084		48.031			x				
232	Máy nén khí Staxel 3.5	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	405.000	405.000					x				
233	Máy nội soi tai mũi họng (đèn Led)	Khoa Phòng Khám	1	271.800		271.800				x				
234	Máy phân tích huyết học	Khoa Xét Nghiệm	1	239.910		239.910				x				
235	Máy phân tích huyết học tự động	Khoa Xét Nghiệm	1	699.500		699.500				x				
236	Máy phân tích khí máu	Khoa Xét Nghiệm	1	375.000	375.000		62.500			x				
237	Máy phân tích nước tiểu	Khoa Xét Nghiệm	1	74.946		74.946	22.484			x				
238	Máy phát điện 3 pha 180KVA - ATS	Phòng tổ chức-hành chính	1	837.387	837.387		314.020			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
239	Máy phát điện Denyo	Phòng tổ chức-hành chính	1	622.650		622.650				x				
240	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	16.590	16.590					x				
241	Máy tính FPT Eled T710TN	Khoa Chuyên Khoa	1	13.652	13.652					x				
242	Máy tính FPT Eled T710TN	Phòng Truyền thông và Dân số	1	13.652	13.652					x				
243	Máy điện tim 3 kênh	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	23.200	23.200					x				
244	PCCC - Hệ thống PCCC tổng mặt bằng	Phòng tổ chức-hành chính	1	1.969.926	1.969.926		738.722			x				
245	PCCC - Khôi nhà KB, NV và Đtri (5 Tầng)	Phòng tổ chức-hành chính	1	815.195	815.195		305.698			x				
246	PCCC - SC nhà 3 tầng	Phòng tổ chức-hành chính	1	734.372	734.372		275.390			x				
247	PCCC - SC nhà ngoại sản	Phòng tổ chức-hành chính	1	507.615	507.615		190.356			x				
248	Phần mềm kế toán	TTYT	1	13.000		13.000				x				
249	Phần mềm QLTS Misa	TTYT	1	12.000	12.000					x				
250	phần mềm quản lý BV	TTYT	1							x				
251	Phụ kiện kèm theo: Card mạng cho Monitor, giá đỡ trên tường cho Monitor	Khoa HSCC	1	24.200		24.200	10.164			x				
252	Phụ kiện kèm theo: Card mạng cho Monitor, giá đỡ trên tường cho Monitor	Khoa HSCC	1	24.200		24.200	10.164			x				
253	Phụ kiện kèm theo: Card mạng cho Monitor, giá đỡ trên tường cho Monitor	Khoa HSCC	1	24.200		24.200	10.164			x				
254	Quầy thu ngân gỗ	Phòng tài chính kế toán	1	27.840	27.840		10.440			x				
255	Quầy tiếp đón	Khoa Phòng Khám	1	99.130	99.130		37.174			x				
256	Ổn áp rô bốt 3 pha	Phòng tổ chức-hành chính	1	74.500		74.500				x				
257	Quầy trực cấp cứu gỗ	Khoa CC Lưu	1	18.600	18.600		6.975			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
258	Sửa chữa lò đốt rác thải y tế	TTYT	1	97.155		97.155				x				
259	Tay cầm clip Olympus	Khoa CDHA	1	21.840	21.840					x				
260	Thang máy chở cáng tải trọng 1000kg, tốc độ 90m/phút, 5 điểm dừng, điều khiển đơn	TTYT	1	2.053.157	2.053.157		769.934			x				
261	Thang máy chở khách tải trọng 800kg, tốc độ 90m/phút, 5 điểm dừng, điều khiển đơn	TTYT	1	1.794.290	1.794.290		672.859			x				
262	Tháo dỡ và lắp dựng nhà để xe BV	TTYT	1	109.692		109.692				x				
263	Thiết bị cho phòng xét nghiệm Covid	Khoa Xét Nghiệm	1	2.180.000		2.180.000	1.162.667			x				
264	Thiết bị dùng cho hội chẩn telemedicine	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	11.800		11.800				x				
265	Thiết bị hội chẩn, tư vấn chuyên môn	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	57.412	57.412					x				
266	Thiết bị hội chẩn, tư vấn chuyên môn	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	157.000	157.000					x				
267	Thiết bị khí y tế + xây lắp + ps bsung	Khoa Dược	1	3.848.288	3.848.288		1.443.108			x				
268	Thiết bị nha khoa (ORT-580)	Khoa Phòng Khám	1	52.000		52.000	26.000			x				
269	Thiết bị nha khoa phục vụ công tác chuyên môn	Khoa Phòng Khám	1	32.400		32.400				x				
270	Sân bê tông	TTYT	1	221.732	221.732		88.693			x				
271	Thiết bị phòng mô + xây lắp + ps bsung	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	4.023.818	4.023.818		1.508.932			x				
272	Ôn áp lớn dùng cho Labo (Công suất 15kva-1 pha)	Khoa Dược	1	76.095		76.095	22.828			x				
273	Nồi hấp tiệt trùng SA 300VF	Khoa Xét Nghiệm	1	98.000		98.000				x				
274	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Khoa CDHA	1	147.850		147.850				x				
275	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Khoa Nhi	1	147.850		147.850				x				
276	Monitor theo dõi BN	Khoa HSCC	1	147.600	147.600					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
277	Monitor theo dõi BN	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	147.600	147.600					x				
278	Monitor theo dõi BN	Khoa HSCC	1	147.600	147.600					x				
279	Monitor theo dõi BN 5 thông số	Khoa HSCC	1	150.000		150.000				x				
280	Monitor theo dõi BN 5 thông số	Khoa HSCC	1	150.000		150.000				x				
281	Monitor theo dõi BN 5 thông số	Khoa HSCC	1	145.300		145.300	61.026			x				
282	Monitor theo dõi BN 5 thông số	Khoa Sản	1	150.000		150.000				x				
283	Monitor theo dõi BN 5 thông số	Khoa HSCC	1	145.300		145.300	61.026			x				
284	Monitor theo dõi BN 5 thông số	Khoa HSCC	1	145.300		145.300	61.026			x				
285	Monitor theo dõi BN 5 thông số (cầu hình cao)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	197.788		197.788				x				
286	Nồi hấp tiệt trùng SA 600A	Khoa Chông nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	202.500	202.500					x				
287	Monitor theo dõi BN 5 thông số (cầu hình cao)	Khoa HSCC	1	197.788		197.788				x				
288	Monitor theo dõi BN 5 thông số (cầu hình trung bình)	Khoa HSCC	1	147.943		147.943				x				
289	Monitor theo dõi BN 5 thông số (cầu hình trung bình)	Khoa HSCC	1	147.943		147.943				x				
290	Monitor theo dõi BN 5 thông số (cầu hình trung bình)	Khoa HSCC	1	147.943		147.943				x				
291	Monitor theo dõi BN	Khoa HSCC	1	75.000		75.000				x				
292	Monitor theo dõi sản khoa	Khoa Sản	1	167.000		167.000				x				
293	Monitor theo dõi sản khoa	Khoa Sản	1	98.000		98.000				x				
294	Nhà cầu - nối Khu B với Nhà ăn	TTYT	1	476.009	476.009		238.005			x				
295	Nồi hấp áp lực 18l	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	54.400	54.400					x				
296	Nồi hấp áp lực 18l	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	54.500	54.500					x				
297	Nồi hấp điện	Trạm Y tế xã Đại Dục	1	54.500	54.500					x				
298	Nồi hấp điện	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	54.500	54.500					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
299	Nồi hấp tiệt trùng nhiệt độ cao	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	30.000	30.000		26.250			x				
300	Monitor theo dõi BN 5 thông số (cầu hình cao)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	197.788		197.788				x				
301	Thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	Phòng tổ chức-hành chính	1	5.103.560	5.103.560					x				
302	Thiết kế trang web+	TTYT	1	391.800	391.800					x				
303	Thiết kế Website	TTYT	1	13.000		13.000				x				
304	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	24.400	24.400					x				
305	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	35.250	35.250					x				
306	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	35.250	35.250					x				
307	Tủ sấy điện 220 độ loại vừa	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	35.000		35.000				x				
308	Tủ sấy điện 220 độ loại vừa	Khoa Dược	1	35.000		35.000				x				
309	Tủ sấy điện 250 độ C 256 lít	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	56.000		56.000				x				
310	Tủ sấy điện 250 độ C 256 lít	Khoa Dược	1	56.000		56.000				x				
311	Tủ sấy dụng cụ	Khoa Dược	1	16.500	16.500					x				
312	Tủ sấy khô	Khoa Dược	1	37.335		37.335				x				
313	Tủ sấy parafin	Khoa Đông Y	1	124.500	124.500		108.938			x				
314	Tủ tài liệu giám đốc Hoà Phát	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.000	10.000					x				
315	Tường rào bao trung tâm	TTYT	1	471.462	471.462					x				
316	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	24.400	24.400					x				
317	Xe cẩu nâng hạ	Khoa Nội	1	19.000		19.000				x				
318	Xe đẩy bệnh nhân nằm	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.000	19.000		16.625			x				
319	Xe đẩy bệnh nhân nằm 10	Khoa CC Lưu	1	19.000	19.000		16.625			x				
320	Xe đẩy bệnh nhân nằm 2	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.000	19.000		16.625			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
321	Xe đẩy bệnh nhân nằm 3	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.000	19.000		16.625			x				
322	Xe đẩy bệnh nhân nằm 4	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.000	19.000		16.625			x				
323	Xe đẩy bệnh nhân nằm 5	Khoa CĐHA	1	19.000	19.000		16.625			x				
324	Xe đẩy bệnh nhân nằm 6	Khoa CC Lưu	1	19.000	19.000		16.625			x				
325	Xe đẩy bệnh nhân nằm 7	Khoa CC Lưu	1	19.000	19.000		16.625			x				
326	Xe đẩy bệnh nhân nằm 8	Khoa CC Lưu	1	19.000	19.000		16.625			x				
327	Xe đẩy bệnh nhân nằm 9	Khoa CC Lưu	1	19.000	19.000		16.625			x				
328	Xe đẩy cáng BN Inox	Khoa Sản	1	14.500		14.500				x				
329	Xe đẩy dụng cụ cấp cứu	Khoa CC Lưu	1	45.000		45.000				x				
330	Xe cáng nâng hạ	Khoa CĐHA	1	19.000	19.000					x				
331	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	35.250	35.250					x				
332	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	35.250	35.250					x				
333	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Điện Xá	1	35.250	35.250					x				
334	Thùng đựng vắc xin	Khoa KSDB & HIV	1	12.000		12.000				x				
335	Tiền lắp ổ oxy	Khoa HSCC	1	52.587		52.587				x				
336	Tivi LG 42 ích	Khoa Phòng Khám	1	10.250		10.250				x				
337	Tivi samsung 4k	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	48.950	48.950		19.580			x				
338	Trạm cấp vé cảm ứng	Khoa Phòng Khám	1	49.500		49.500	16.088			x				
339	Trồng cô khuôn viên BV	TTYT	1	47.000		47.000				x				
340	Tủ ấm	Khoa Xét Nghiệm	1	41.728		41.728				x				
341	Tủ ấm	Khoa Xét Nghiệm	1	41.728		41.728				x				
342	Tủ ấm (tủ làm ấm dịch truyền)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	62.000		62.000				x				
343	Tủ ấm 256 lit	Khoa Xét Nghiệm	1	59.000		59.000				x				
344	Tủ an toàn sinh học	Khoa Xét Nghiệm	1	195.462		195.462				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
345	Tủ đựng hóa chất	Khoa Xét Nghiệm	1	30.632		30.632	7.658			x				
346	Tủ lạnh 2 cánh Sanaky	Khoa HSCC	1	24.600		24.600				x				
347	Tủ lạnh 3 ngăn Sanaky	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	25.000		25.000				x				
348	Tủ lạnh bảo quản mẫu	Khoa Xét Nghiệm	1	33.759		33.759	8.440			x				
349	Tủ lạnh cánh cứng	Khoa Dược	1	24.440		24.440				x				
350	Tủ lạnh chuyên dụng	Khoa Dược	1	90.734		90.734	34.025			x				
351	Tủ lạnh Shap 340L	Khoa Dược	1	11.200		11.200				x				
352	Tủ lạnh sinh phẩm	Khoa Xét Nghiệm	1	37.775		37.775				x				
353	Tủ lạnh TCW 3000	Khoa Dược	1	43.000		43.000				x				
354	Tủ lạnh trữ máu	Khoa Xét Nghiệm	1	260.000		260.000				x				
355	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	35.250	35.250					x				
356	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	35.250	35.250					x				
357	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Điền Xá	1	35.250	35.250					x				
358	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	35.250	35.250					x				
359	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	24.000	24.000					x				
360	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Yên Than	1	35.250	35.250					x				
361	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Khoa Ngoại	1	147.850		147.850				x				
362	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	147.850		147.850				x				
363	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	158.400		158.400				x				
364	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	124.500		124.500				x				
365	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	13.500	13.500		8.100			x				
366	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Điền Xá	1	13.500	13.500		8.100			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
367	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Yên Than	1	13.500	13.500		8.100			x				
368	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	13.500	13.500		8.100			x				
369	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	13.500	13.500		8.100			x				
370	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	13.500	13.500		8.100			x				
371	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế thị trấn Tiên Yên	1	13.500	13.500		8.100			x				
372	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Phòng tài chính kế toán	1	13.500	13.500		8.100			x				
373	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	13.500	13.500		8.100			x				
374	Máy tính xách tay Dell	Khoa Ngoại	1	14.990	14.990					x				
375	Máy tính xách tay Dell	Khoa CĐHA	1	14.990	14.990					x				
376	Máy tính xách tay Dell	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	14.990	14.990					x				
377	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Khoa Chồng nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	13.500	13.500		8.100			x				
378	Máy tính xách tay Dell	Khoa Phòng Khám	1	14.990	14.990					x				
379	Máy tính xách tay Dell	Phòng tài chính kế toán	1	14.990	14.990					x				
380	Máy tính xách tay Dell	Khoa Đông Y	1	14.990	14.990					x				
381	Máy tính xách tay Dell	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.990	14.990					x				
382	Máy tính xách tay Dell	Phòng tổ chức-hành chính	1	14.990	14.990					x				
383	Máy tính xách tay Dell	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	14.990	14.990					x				
384	Máy tính xách tay Dell	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.990	14.990					x				
385	Máy tính xách tay Dell	Khoa Nội	1	14.990	14.990					x				
386	Máy tính xách tay Dell	Khoa HSCC	1	14.990	14.990					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
387	Máy tính xách tay Dell	Khoa Sản	1	14.990	14.990					x				
388	Máy tính xách tay Dell	Khoa Y tế công cộng	1	14.990	14.990					x				
389	Máy tính xách tay Dell	Khoa Nhi	1	14.990	14.990					x				
390	Máy tính(Màn hình + cây)	Khoa Y tế công cộng	1	11.990		11.990				x				
391	Máy tính xách tay Dell	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.990	14.990					x				
392	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	13.500	13.500		8.100			x				
393	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	13.500	13.500		8.100			x				
394	Máy tính xách tay Asus B1400CBA - EK3127W	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	13.500	13.500		8.100			x				
395	Máy tính FPT Eled T710TN	Khoa Y tế công cộng	1	13.652	13.652					x				
396	Máy tính FPT Eled T710TN	Phòng tổ chức-hành chính	1	13.652	13.652					x				
397	Máy tính FPT Eled T710TN	Khoa KSDB & HIV	1	13.652	13.652					x				
398	Máy tính FPT Eled T710TN	Khoa HSCC	1	13.652	13.652					x				
399	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Chuyên Khoa	1	14.968	14.968					x				
400	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Ngoại	1	14.968	14.968					x				
401	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Phòng Khám	1	14.968	14.968					x				
402	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	14.968	14.968					x				
403	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	14.968	14.968					x				
404	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Sản	1	14.968	14.968					x				
405	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Phòng Khám	1	14.968	14.968					x				
406	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Sản	1	14.968	14.968					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
407	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Xét Nghiệm	1	14.968	14.968					x				
408	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Dược	1	14.968	14.968					x				
409	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Đông Y	1	14.968	14.968					x				
410	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Dược	1	14.968	14.968					x				
411	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa HSCC	1	14.968	14.968					x				
412	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Phòng tổ chức-hành chính	1	14.968	14.968					x				
413	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	14.968	14.968					x				
414	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Sản	1	14.968	14.968					x				
415	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Phòng Khám	1	14.968	14.968					x				
416	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Nhi	1	14.968	14.968					x				
417	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa Nhi	1	14.968	14.968					x				
418	Máy tính FPT+ Bộ lưu điện ARES AR265i	Khoa HSCC	1	14.968	14.968					x				
419	Máy tính xách tay	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.500	14.500					x				
420	Máy tính xách tay	Phòng tổ chức-hành chính	1	14.500	14.500					x				
421	Máy tính xách tay	Khoa Chống nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	14.500	14.500					x				
422	Máy truyền dịch	Khoa HSCC	1	23.480		23.480				x				
423	Máy tính FPT Eled T710TN	Khoa Phòng Khám	1	13.652	13.652					x				
424	Máy truyền dịch	Khoa Sản	1	36.000		36.000				x				
425	Máy truyền dịch	Khoa HSCC	1	35.950		35.950				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
426	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	24.833	24.833					x				
427	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	24.833	24.833					x				
428	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	16.590	16.590					x				
429	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	24.833	24.833					x				
430	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	29.000	29.000					x				
431	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	29.000	29.000					x				
432	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	24.833	24.833					x				
433	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Trạm Y tế xã Yên Than	1	22.500	22.500		6.750			x				
434	Máy xét nghiệm sinh hóa	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	35.165	35.165					x				
435	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Khoa Xét Nghiệm	1	515.093		515.093				x				
436	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Khoa Xét Nghiệm	1	1.784.600	1.784.600					x				
437	Máy XN đo tốc độ lắng máu	Khoa Xét Nghiệm	1	70.000		70.000				x				
438	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm Y tế xã Điền Xá	1	29.000	29.000					x				
439	Máy XN đông máu tự động CA - 600	Khoa Xét Nghiệm	1	463.200		463.200				x				
440	Máy XN nước tiểu	Khoa Xét Nghiệm	1	31.536		31.536				x				
441	Máy XN nước tiểu	Khoa Xét Nghiệm	1	768.000	768.000		672.000			x				
442	Máy XN nước tiểu 11 thông số	Khoa Xét Nghiệm	1	25.000	25.000					x				
443	Máy XQ	Khoa Dược	1	827.400	827.400					x				
444	Máy XQ di động	Khoa CĐHA	1	2.600.000		2.600.000	1.386.667			x				
445	Máy XQ răng cầm tay	Khoa Dược	1	109.000	109.000		18.167			x				
446	Máy Xquang C-arm	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	2.780.000	2.780.000		2.432.500			x				
447	Máy Xquang kỹ thuật số chụp tổng quát	Khoa CĐHA	1	2.010.000	2.010.000		1.758.750			x				
448	Mô mổ	Khoa Chuyên Khoa	1	30.500	30.500					x				
449	Mở rộng nâng cấp nhà chứa rác thải rắn	TTYT	1	227.482	227.482					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
450	Monitor sản khoa	Khoa Sản	1	179.700		179.700				x				
451	Monitor sản khoa	Khoa Sản	1	179.700		179.700				x				
452	Máy XN nước tiểu	Khoa Xét Nghiệm	1	30.000		30.000				x				
453	Máy xét nghiệm miễn dịch	Khoa Xét Nghiệm	1	1.893.000	1.893.000		315.500			x				
454	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Khoa Xét Nghiệm	1	1.977.000	1.977.000		1.729.875			x				
455	Máy xét nghiệm huyết học	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	245.039	245.039					x				
456	Máy truyền dịch	Khoa Nhi	1	36.000		36.000				x				
457	Máy truyền dịch	Khoa HSCC	1	36.000		36.000				x				
458	Máy truyền dịch	Khoa HSCC	1	35.950		35.950				x				
459	Máy truyền dịch	Khoa Nhi	1	36.000		36.000				x				
460	Máy truyền dịch	Khoa Nhi	1	36.000		36.000				x				
461	Máy truyền dịch	Khoa HSCC	1	36.000		36.000				x				
462	Máy truyền dịch	Khoa HSCC	1	36.000		36.000				x				
463	Máy truyền dịch tự động	Khoa HSCC	1	21.985		21.985				x				
464	Máy truyền dịch tự động	Khoa HSCC	1	21.985		21.985				x				
465	Máy vi tính	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	14.000		14.000				x				
466	Máy vi tính	Khoa Nội	1	11.837		11.837				x				
467	Máy vi tính	Khoa Sản	1	14.000		14.000				x				
468	Máy vi tính	Khoa Nội	1	11.837		11.837				x				
469	Máy vi tính	Khoa Nội	1	11.837		11.837				x				
470	Máy vi tính	Khoa Sản	1	14.000		14.000				x				
471	Máy vi tính	Khoa Sản	1	14.000		14.000				x				
472	Máy vi tính	Khoa Sản	1	14.000		14.000				x				
473	Máy vi tính	Khoa Sản	1	14.000		14.000				x				
474	Máy vi tính	Khoa Y tế công cộng	1	14.000		14.000				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
475	Máy vi tính	Khoa Y tế công cộng	1	14.000		14.000				x				
476	Máy vi tính để bàn	Khoa Nội	1	17.160		17.160				x				
477	Máy vi tính để bàn	Khoa Ngoại	1	14.080		14.080				x				
478	Máy vi tính để bàn	Khoa Ngoại	1	14.080		14.080				x				
479	Máy xét nghiệm điện giải	Khoa Xét Nghiệm	1	241.500	241.500		40.250			x				
480	Máy xét nghiệm huyết học	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	245.039	245.039					x				
481	Máy xét nghiệm huyết học	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	126.594	126.594					x				
482	Máy xét nghiệm huyết học	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	245.039	245.039					x				
483	Máy truyền dịch	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	23.480		23.480				x				
484	Máy điện tim 3 kênh	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	23.200	23.200					x				
485	Máy điện tim 3 kênh	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	23.200	23.200					x				
486	Xe đẩy dụng cụ cấp cứu	Khoa HSCC	1	45.000		45.000				x				
487	Dao mổ siêu âm	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	1.980.000	1.980.000		594.000			x				
488	Đèn chiếu điều trị vàng da (kèm thiết bị đo cường độ ánh sáng)	Khoa Nhi	1	95.000	95.000		83.125			x				
489	Đèn chiếu vàng da	Khoa Nhi	1	39.500	39.500		6.583			x				
490	Đèn chiếu vàng da	Khoa Nhi	1							x				
491	Đèn đặt nội khí quản có cân dây(Bộ đặt nội khí quản người lớn, trẻ em)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	16.800		16.800				x				
492	Đèn khám (đèn tiểu phẫu) - k.s	Khoa Sản	1	28.000		28.000	21.000			x				
493	Đèn khám và làm tiểu phẫu 1	Khoa Sản	1	130.000	130.000		113.750			x				
494	Đèn khám và làm tiểu phẫu 2	Khoa Sản	1	130.000	130.000		113.750			x				
495	Đèn khám và làm tiểu phẫu 3	Khoa Ngoại	1	130.000	130.000		113.750			x				
496	Đèn khám và làm tiểu phẫu 4	Khoa Chuyên Khoa	1	130.000	130.000		113.750			x				
497	Đèn khám và làm tiểu phẫu 5	Khoa Dược	1	130.000	130.000		113.750			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
498	Đèn mô - PK	Khoa CC Lưu	1	31.900		31.900	23.925			x				
499	Dao mổ điện	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	238.600	238.600					x				
500	Đèn mô di động	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	36.500	36.500					x				
501	Đèn mô di động	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	14.800	14.800					x				
502	Đèn mô di động	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	36.500	36.500					x				
503	Đèn mô LED treo trần, loại 2 choá	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	614.000	614.000		102.333			x				
504	Đèn mô treo trần	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	760.000	760.000		665.000			x				
505	Đèn mô treo trần	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	888.600	888.600					x				
506	Đèn mô treo trần ánh sáng lạnh	Khoa CC Lưu	1	197.715		197.715				x				
507	Đèn soi đáy mắt	Khoa Chuyên Khoa	1	16.118		16.118				x				
508	Di chuyển trạm biến áp 160Kva	TTYT	1	411.748	411.748					x				
509	Điều hòa	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.010		10.010				x				
510	Điều hòa	Khoa Nội	1	15.000		15.000				x				
511	Điều hòa	Khoa Dược	1	10.010		10.010				x				
512	Điều hòa	Khoa Dược	1	10.010		10.010				x				
513	Đèn mô di động	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	36.500	36.500					x				
514	Điều hòa	Phòng tổ chức-hành chính	1	15.000		15.000				x				
515	Cửa cắt bột điện	Khoa Ngoại	1	21.500		21.500				x				
516	Công trình cổng xếp inox tự động	TTYT	1	121.306		121.306				x				
517	Bộ thông lệ đạo	Khoa Chuyên Khoa	1	25.000	25.000					x				
518	Bơm tiêm điện	Khoa HSCC	1	24.950		24.950				x				
519	Bơm tiêm điện	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	15.950		15.950				x				
520	Bơm tiêm điện	Khoa HSCC	1	26.000	26.000		22.750							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
521	Bơm tiêm điện	Khoa Nội	1	19.000		19.000	16.625			x				
522	Bơm tiêm điện	Khoa HSCC	1	24.950		24.950				x				
523	Bơm tiêm điện	Khoa Nhi	1	30.000		30.000				x				
524	Bơm tiêm điện	Khoa HSCC	1	30.000		30.000				x				
525	Bơm tiêm điện	Khoa Sản	1	15.950		15.950				x				
526	Bơm tiêm điện	Khoa Dược	1	15.950		15.950				x				
527	Bơm tiêm điện	Khoa Nội	1	19.000		19.000	16.625			x				
528	Bơm tiêm điện	Khoa Nội	1	24.240		24.240				x				
529	CT cải tạo khuôn viên BV	TTYT	1	228.685	228.685					x				
530	Bơm tiêm điện	Khoa Nhi	1	15.950		15.950				x				
531	Bơm tiêm điện 2	Khoa HSCC	1	26.000	26.000		22.750			x				
532	Bơm tiêm điện 3	Khoa HSCC	1	26.000	26.000		22.750			x				
533	Bơm tiêm điện 4	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	26.000	26.000		22.750			x				
534	Bơm tiêm điện 5	Khoa Nhi	1	26.000	26.000		22.750			x				
535	Bơm tiêm tự động	Khoa HSCC	1	19.985		19.985				x				
536	Bơm tiêm tự động	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	19.985		19.985				x				
537	Bồn rửa tay vô trùng một vòi	Khoa Sản	1	49.500		49.500				x				
538	Bồn tắm sơ sinh vô trùng	Khoa Sản	1	96.800		96.800				x				
539	Cảng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay, ghế chờ BN	Khoa HSCC	1	37.500		37.500				x				
540	Cảng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay, ghế chờ BN	Khoa HSCC	1	37.500		37.500				x				
541	Cây cảnh , chậu cảnh, bàn ghế đá	TTYT	1	74.290	74.290					x				
542	Cây cảnh khuôn viên BV	TTYT	1	77.407		77.407				x				
543	Bơm tiêm điện	Khoa HSCC	1	19.985		19.985				x				
544	Điều hòa	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	15.000		15.000				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
545	Điều hòa	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.010		10.010				x				
546	Điều hòa	Khoa Nội	1	15.000		15.000				x				
547	Điều hòa 2 chiều 9000btu	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.500		10.500	2.625			x				
548	Điều hòa 2 chiều 9000btu	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.500		10.500	2.625			x				
549	Điều hòa 2 chiều 9000btu	Khoa Nhi	1	10.500		10.500	2.625			x				
550	Điều hòa 2 chiều Sumikura 9000btu	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	10.500		10.500	3.938			x				
551	Điều hòa cây Sumikura 36000btu	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	35.200		35.200	13.200			x				
552	Điều hòa Funiki 12000BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.150		10.150				x				
553	Điều hòa Funiki 12000BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.150		10.150				x				
554	Điều hòa Funiki 1200BTU	Khoa Nhi	1	13.500		13.500	8.438			x				
555	Điều hòa Funiki 24000BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	16.650		16.650				x				
556	Điều hòa Funiki 24000BTU	Khoa Đông Y	1	16.650		16.650				x				
557	Điều hòa Gree 12.000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.500		10.500	7.875			x				
558	Điều hòa Gree 12.000BTU	Khoa Chuyên Khoa	1	12.500		12.500	10.938			x				
559	Điều hòa 2 chiều 9000btu	Khoa Nhi	1	10.500		10.500	2.625			x				
560	Điều hòa Gree 12.000BTU	Khoa Chuyên Khoa	1	12.500		12.500	10.938			x				
561	Điều hòa Gree 12.000BTU	Khoa Dược	1	12.000		12.000	10.500			x				
562	Điều hòa Gree 12.000BTU	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	12.000		12.000	10.500			x				
563	Điều hòa GREE 18.000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	15.500		15.500	11.625			x				
564	Điều hòa GREE 18.000 BTU - TYYT YT	Trạm Y tế xã Yên Than	1	16.500	16.500		12.375			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
565	Điều hòa Gree 9000BTU	Khoa Dược	1	11.500		11.500	7.188			x				
566	Điều hòa Sumikara 24000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	28.850		28.850				x				
567	Điều hòa Sumikara 24000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	28.850		28.850				x				
568	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	15.225	15.225		5.709			x				
569	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Dược	1	15.225	15.225		5.709			x				
570	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
571	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
572	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
573	Điều hòa Gree 12.000BTU	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	12.500		12.500	10.938			x				
574	Điều hòa 2 chiều 9000btu	Khoa Nhi	1	10.500		10.500	2.625			x				
575	Điều hòa 2 chiều 9000btu	Khoa Nội	1	10.500		10.500	2.625			x				
576	Điều hòa 2 chiều 9000 BTU	Khoa Xét Nghiệm	1	11.800		11.800				x				
577	Điều hòa	Phòng tổ chức-hành chính	1	24.000		24.000				x				
578	Điều hòa	Khoa Dược	1	10.010		10.010				x				
579	Điều hòa 1 chiều 12000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.800		10.800				x				
580	Điều hòa 1 chiều 12000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.800		10.800				x				
581	Điều hòa 1 chiều 12000 BTU	Phòng tài chính kế toán	1	10.800		10.800				x				
582	Điều hòa 1 chiều 18000btu	Khoa Nội	1	14.200		14.200	1.775			x				
583	Điều hòa 1 chiều 18000btu	Khoa Phòng Khám	1	14.200		14.200	3.550			x				
584	Điều hòa 1 chiều 18000btu	Khoa Nội	1	14.200		14.200	1.775			x				
585	Điều hòa 1 chiều 18000btu	Khoa Nội	1	15.250		15.250	3.813			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
586	Điều hòa 1 chiều 18000btu	Khoa Nội	1	14.200		14.200	1.775			x				
587	Điều hòa 1 chiều Gree 18000btu	Khoa Phòng Khám	1	10.500		10.500	3.938			x				
588	Điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Khoa Nhi	1	11.800		11.800				x				
589	Điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Khoa CĐHA	1	11.800		11.800				x				
590	Điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Khoa CĐHA	1	11.800		11.800				x				
591	Điều hòa 2 chiều 12000btu	Khoa Nội	1	11.800		11.800	1.475			x				
592	Điều hòa 2 chiều 12000btu	Khoa Đông Y	1	11.800		11.800	1.475			x				
593	Điều hòa 2 chiều 18000btu	Khoa Nhi	1	17.900		17.900	4.475			x				
594	Điều hòa 2 chiều 18000btu	Khoa Nhi	1	14.200		14.200	3.550			x				
595	Điều hòa 2 chiều 18000btu	Phòng tổ chức-hành chính	1	16.800		16.800	4.200			x				
596	Điều hòa 2 chiều 18000btu	Khoa Nhi	1	17.900		17.900	4.475			x				
597	Điều hòa 2 chiều 9000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.500		10.500				x				
598	Điều hòa 2 chiều 9000 BTU	Phòng Điều Dưỡng	1	10.500		10.500				x				
599	Điều hòa 2 chiều 9000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.500		10.500				x				
600	Điều hòa 2 chiều 9000 BTU	Khoa Xét Nghiệm	1	11.800		11.800				x				
601	Điều hòa 2 chiều 9000 BTU	Khoa Nội	1	10.500		10.500				x				
602	Điều hòa 2 chiều 9000 BTU	Phòng tổ chức-hành chính	1	10.500		10.500				x				
603	Điều hòa 2 chiều 9000 BTU	Khoa Nội	1	10.500		10.500				x				
604	Bộ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình nhi (Chi trên)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	213.724	213.724		187.009			x				
605	Bộ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình nhi (Chi dưới)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	279.582	279.582		244.634			x				
606	Bộ nội soi mở thông và đặt nội khí quản	Khoa HSCC	1	306.735		306.735				x				
607	Bộ nội soi hậu môn, trực tràng ống cứng (Đức Nhật)	Khoa CĐHA	1	308.000	308.000					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
608	Bàn mổ đa năng	Khoa CC Lưu	1	77.250		77.250				x				
609	Bàn mổ vạn năng	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	50.176		50.176				x				
610	Bàn mổ vạn năng thủy lực	Khoa CC Lưu	1	56.325		56.325				x				
611	Bảng Led ma trận 3 màu	Khoa Phòng Khám	1	45.000	45.000		3.375			x				
612	Bể cách thủy	Khoa Xét Nghiệm	1	49.780		49.780				x				
613	Bể nước	TTYT	1	542.976	542.976		461.530			x				
614	Bộ đại phẫu	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	99.200		99.200				x				
615	Bộ đặt nội khí quản người lớn (Bộ 4 lưỡi)	Khoa Ngoại	1	12.000		12.000	5.040			x				
616	Bộ đặt nội khí quản người lớn (Bộ 4 lưỡi)	Khoa Nội	1	12.000		12.000	5.040			x				
617	Bộ đặt nội khí quản người lớn (Bộ 4 lưỡi)	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	12.000		12.000	5.040			x				
618	Bộ đặt nội khí quản người lớn (Bộ 4 lưỡi)	Khoa Nhi	1	12.000		12.000	5.040			x				
619	Bộ đặt nội khí quản người lớn (Bộ 4 lưỡi)	Khoa Sản	1	12.000		12.000	5.040			x				
620	Bàn mổ 2	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	1.042.000	1.042.000		911.750			x				
621	Bộ đặt nội khí quản người lớn (Bộ 4 lưỡi)	Khoa CC Lưu	1	12.000		12.000	5.040			x				
622	Bộ đặt nội khí quản người lớn (Bộ 4 lưỡi)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	12.000		12.000	5.040			x				
623	Bộ đặt nội khí quản người lớn /TE	Khoa HSCC	1	16.500		16.500				x				
624	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Khoa Chuyên Khoa	1	23.000	23.000		20.125			x				
625	Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	248.528	248.528		217.462			x				
626	Bộ dụng cụ phẫu thuật PTCT chỉnh hình	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	149.000	149.000					x				
627	Bộ dụng cụ phẫu thuật PTCT chỉnh hình	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	409.326		409.326				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
628	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	119.500	119.500					x				
629	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	94.920		94.920				x				
630	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	119.500	119.500					x				
631	Bộ dụng cụ phẫu thuật sọ não	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	244.500	244.500					x				
632	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	99.600	99.600					x				
633	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	99.600	99.600					x				
634	Bộ đặt nội khí quản người lớn (Bộ 4 lưỡi)	Khoa Chuyên Khoa	1	12.000		12.000	5.040			x				
635	Bàn mổ	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	1.042.000	1.042.000		911.750			x				
636	Bàn khám phụ khoa	Khoa Sản	1	90.000	90.000		78.750			x				
637	Bàn kéo nắn bó bột	Khoa Dược	1	37.900		37.900				x				
638	Amly,màn hình, cho bộ hội chẩn	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	33.880		33.880				x				
639	Bàn đá rửa dụng cụ	Khoa Ngoại	1	16.500	16.500		12.375			x				
640	Bàn đỡ các loại (màn chắn gây mê)	Khoa Sản	1	136.000	136.000		119.000			x				
641	Bàn đỡ các loại (màn chắn gây mê) 2	Khoa Sản	1	136.000	136.000		119.000			x				
642	Bàn đỡ các loại (màn chắn gây mê) 3	Khoa Sản	1	136.000	136.000		119.000			x				
643	Bàn điều chỉnh nghiêng quay (điều khiển điện)	Khoa Đông Y	1	55.000	55.000		48.125			x				
644	Bàn giao ban gỗ veneer (KT: 3000*1500*750)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	16.200		16.200	12.150			x				
645	Bàn giao ban gỗ veneer (KT: 3500*1500*750)	Khoa HSCC	1	18.900		18.900	14.175			x				
646	Bàn giao ban gỗ veneer (KT: 3800*1600*750)	Khoa Dược	1	20.500		20.500	15.375			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
647	Bàn giao ban gỗ veneer (KT: 4000*1600*750) - K.N	Khoa Nội	1	21.700		21.700	16.275			x				
648	Bàn giao ban gỗ veneer (KT: 4000*1600*750) - K.Nhi	Khoa Nhi	1	21.700		21.700	16.275			x				
649	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đ	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	10.900	10.900		6.813			x				
650	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đào	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	10.900	10.900		6.813			x				
651	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đào	Trạm Y tế xã Đại Dục	1	10.900	10.900		6.813			x				
652	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đào	Trạm Y tế xã Điền Xá	1	10.900	10.900		6.813			x				
653	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đào	Trạm Y tế xã Yên Than	1	10.900	10.900		6.813			x				
654	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đào	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	10.900	10.900		6.813			x				
655	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đào	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	10.900	10.900		6.813			x				
656	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đào	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	10.900	10.900		6.813			x				
657	Bàn giao ban gỗ veneer xoan đào KT: 2500 *1200* 750 mm	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	10.900	10.900		6.813			x				
658	Bàn hợp giao ban mặt liên gỗ MDF	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.500	12.500		4.688			x				
659	Bàn hợp giao ban mặt liên gỗ MDF	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.500	12.500		4.688			x				
660	Bàn hợp giao ban mặt liên gỗ MDF	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.500	12.500		4.688			x				
661	Bàn hợp giao ban mặt liên gỗ MDF	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.500	12.500		4.688			x				
662	Bàn hợp giao ban mặt liên gỗ MDF	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.500	12.500		4.688			x				
663	Bàn hợp gỗ veneer xoan đào (KT: 4000x1600x750mm)	Khoa Ngoại	1	23.814	23.814		17.861			x				
664	Bàn hợp gỗ veneer xoan đào (KT: 4000x1600x750mm)	Khoa Sản	1	23.814	23.814		17.861			x				
665	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa nhi	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	175.000	175.000		153.125			x				
666	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Đông Y	1	15.225	15.225		5.709			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
667	Bộ dụng cụ tháo vít chỉnh hình	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	28.500		28.500	21.375			x				
668	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Trạm Y tế xã Điện Xá	1	11.300	11.300		9.888			x				
669	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	14.400	14.400					x				
670	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	14.400	14.400					x				
671	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	15.000	15.000					x				
672	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	15.000	15.000					x				
673	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	15.000	15.000					x				
674	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	12.000	12.000					x				
675	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	14.400	14.400					x				
676	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Điện Xá	1	12.000	12.000					x				
677	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	14.400	14.400					x				
678	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Điện Xá	1	17.984	17.984					x				
679	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	14.400	14.400					x				
680	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	14.400	14.400					x				
681	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	12.000	12.000					x				
682	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Yên Than	1	14.400	14.400					x				
683	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Điện Xá	1	15.000	15.000					x				
684	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	12.000	12.000					x				
685	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế thị trấn Tiên Yên	1	12.000	12.000					x				
686	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	12.000	12.000					x				
687	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	15.000	15.000					x				
688	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	12.000	12.000					x				
689	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Yên Than	1	14.400	14.400					x				
690	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	15.000	15.000					x				
691	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	14.400	14.400					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
692	Bộ máy vi tính Đông Nam Á	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	12.000	12.000					x				
693	Bộ mô chích chấp	Khoa Chuyên Khoa	1	30.500	30.500					x				
694	Bộ mô quặm	Khoa Chuyên Khoa	1	30.500	30.500					x				
695	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế thị trấn Tiên Yên	1	14.400	14.400					x				
696	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	12.000	12.000					x				
697	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	1	15.000	15.000					x				
698	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	14.400	14.400					x				
699	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	11.300	11.300		9.888			x				
700	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	11.300	11.300		9.888			x				
701	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	11.300	11.300		9.888			x				
702	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	11.300	11.300		9.888			x				
703	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	11.300	11.300		9.888			x				
704	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	11.300	11.300		9.888			x				
705	Bộ dụng cụ trung phẫu	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	83.000	83.000		72.625			x				
706	Bộ hút dẫn lưu dịch màng phổi	Khoa HSCC	1	19.800		19.800	17.325			x				
707	Bộ lưu điện Santace	Khoa Dược	1	39.688		39.688				x				
708	Bộ lưu điện UPS 3kVA Online Delta CL 3000	Khoa CC Lưu	1	23.450	23.450		5.862			x				
709	Bộ lưu điện UPS 3kVA Online Delta CL 3000	Khoa CĐHA	1	23.450	23.450		5.862			x				
710	Bộ lưu điện UPS Delta 2KVA	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	18.000	18.000					x				
711	Bộ lưu điện UPS Delta 3KVA	Khoa CĐHA	1	28.000		28.000				x				
712	Bộ máy chiếu	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	43.450		43.450				x				
713	Bộ máy chiếu Mitshubishi	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	25.300	25.300					x				
714	Bộ máy tính Đông Nam Á	Phòng tài chính kế toán	1	12.400	12.400		4.960			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
715	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	14.400	14.400					x				
716	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Hải Lạng	1	14.400	14.400					x				
717	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	15.000	15.000					x				
718	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Phong Dụ	1	14.400	14.400					x				
719	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đại Thành	1	15.000	15.000					x				
720	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế thị trấn Tiên Yên	1	14.400	14.400					x				
721	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	14.400	14.400					x				
722	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	14.400	14.400					x				
723	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Yên Than	1	12.000	12.000					x				
724	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	18.024	18.024					x				
725	Bộ máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Đông Hải	1	14.400	14.400					x				
726	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	11.300	11.300		9.888			x				
727	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	15.225	15.225		5.709			x				
728	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
729	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
730	Giường HSCC đa năng kèm tủ đầu giường	Khoa Dược	1	19.950		19.950				x				
731	Giường HSCC đa năng kèm tủ đầu giường	Khoa Dược	1	19.950		19.950				x				
732	Giường HSCC đa năng kèm tủ đầu giường	Khoa Dược	1	19.950		19.950				x				
733	Giường HSCC đa năng kèm tủ đầu giường	Khoa Dược	1	19.950		19.950				x				
734	Giường HSCC đa năng kèm tủ đầu giường	Khoa Dược	1	19.950		19.950				x				
735	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	Khoa HSCC	1	109.950		109.950				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
736	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa HSCC	1	109.950		109.950				x				
737	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa HSCC	1	109.950		109.950				x				
738	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa HSCC	1	109.950		109.950				x				
739	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa HSCC	1	109.950		109.950				x				
740	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa HSCC	1	109.950		109.950				x				
741	Giường sơ sinh đa năng	Khoa Sản	1	68.000		68.000				x				
742	Giường HSCC đa năng kèm tủ đầu giường	Khoa Dược	1	19.950		19.950				x				
743	Giường sưởi WARMER	Khoa Nhi	1							x				
744	Hệ thống âm thanh phòng hội chẩn tư vấn chuyên môn trực tuyến	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	63.741		63.741				x				
745	Hệ thống chống sét lan truyền	TTYT	1	788.134	788.134		420.338			x				
746	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 0,55 Tesla	Khoa CĐHA	1	19.680.000	19.680.000		17.220.000			x				
747	Hệ thống gây mê kèm thở	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	847.000	847.000					x				
748	Hệ thống Laser tán sỏi ngược dòng	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	2.865.000	2.865.000		859.500			x				
749	Hệ thống máy nội soi TMH	Khoa Chuyên Khoa	1	92.725		92.725				x				
750	Hệ thống máy rửa quả lọc thận nhân tạo + thiết bị cho phòng chạy thận	Khoa HSCC	1	185.272		185.272				x				
751	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	850.000	850.000		743.750			x				
752	Hệ thống nội soi tiêu hóa (có nguồn cắt đốt)	Khoa CĐHA	1	2.195.000	2.195.000		1.170.667			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
753	Hệ thống nội soi tiêu hóa: gồm Bộ xử lý hình ảnh VP-4450HD, Nguồn sáng XL-4450; Ống NSDD EG-530WR, Bộ dụng cụ can thiệp, Clip cầm máu, Ống NS đại tràng ống mềm EC-530FL, Màn hình NS 19 inch AMVX 1908, Máy hút dịch 1242, Máy cắt đốt điện 100C, Bộ máy vi	Khoa CĐHA	1	2.482.000	2.482.000					x				
754	Hệ thống nước RO cho thận nhân tạo công suất 800 lít/giờ	Khoa HSCC	1	1.824.760	1.824.760		547.428			x				
755	Hệ thống oxy áp lực	Khoa HSCC	1	68.617	68.617					x				
756	Hệ thống âm thanh phòng giao ban trực tiếp	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	97.911		97.911				x				
757	Giường HSCC đa năng kèm tủ đầu giường	Khoa Nhi	1	19.950		19.950				x				
758	Giường HSCC đa năng kèm tủ đầu giường	Khoa TRUYỀN NHIỄM	1	19.950		19.950				x				
759	Giường hồi sức cấp cứu đa năng điều khiển bằng 2 tay quay	Khoa Sản	1	24.985		24.985				x				
760	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
761	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
762	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
763	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
764	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Nội	1	19.500		19.500	7.313			x				
765	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
766	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
767	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
768	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Nội	1	19.500		19.500	7.313			x				
769	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
770	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
771	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
772	Giường BN đa năng 1 tay quay	Khoa Sản	1	19.329		19.329				x				
773	Giường BN đa năng 1 tay quay	Khoa Sản	1	19.329		19.329				x				
774	Giường BN đa năng 1 tay quay	Khoa Sản	1	19.329		19.329				x				
775	Giường BN đa năng 1 tay quay	Khoa Sản	1	19.329		19.329				x				
776	Giường BN đa năng 1 tay quay	Khoa Sản	1	19.329		19.329				x				
777	Giường cấp cứu BN đa năng	Khoa Dược	1	25.000	25.000					x				
778	Giường cấp cứu BN đa năng	Khoa Dược	1	25.000	25.000					x				
779	Giường cấp cứu BN đa năng	Khoa Dược	1	24.985		24.985				x				
780	Giường cấp cứu BN đa năng	Khoa HSCC	1	25.000	25.000					x				
781	Giường cấp cứu BN đa năng	Khoa Dược	1	25.000	25.000					x				
782	Giường cấp cứu BN đa năng	Khoa Dược	1	25.000	25.000					x				
783	Giường cấp cứu BN đa năng	Khoa Dược	1	25.000	25.000					x				
784	Giường cấp cứu BN đa năng	Khoa Nội	1	24.950		24.950				x				
785	Giường đón trẻ sơ sinh đa năng	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	68.000		68.000				x				
786	Giường hồi sức cấp cứu	Khoa Dược	1	24.985		24.985				x				
787	Hệ thống oxy trung tâm khoa HSTC	Khoa HSCC	1	68.935		68.935				x				
788	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
789	Hệ thống phẫu thuật mắt Phaco	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	1.384.950	1.384.950		1.211.831			x				
790	Hệ thống rửa tay kỹ thuật viên	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	250.000		250.000				x				
791	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Khoa Nhi	1	345.000	345.000		301.875			x				
792	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Khoa Nhi	1	159.968		159.968				x				
793	Lưu điện	Khoa Xét Nghiệm	1	49.500		49.500				x				
794	Lưu điện cho phòng SA, XQ	Khoa CDHA	1	28.000	28.000					x				
795	Lưu điện cho phòng SA, XQ	Khoa CDHA	1	28.000	28.000					x				
796	Lưu điện UPS 3KVA dùng cho máy huyết học	Khoa Xét Nghiệm	1	28.000		28.000				x				
797	Máy áp lạnh cổ tử cung	Khoa Sản	1	79.900		79.900				x				
798	Máy biến áp	Khoa HSCC	1	225.000		225.000				x				
799	Máy bơm thuốc cân quang tự động	Khoa CDHA	1	180.000		180.000				x				
800	Máy cắt bệnh phẩm qua nội soi	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	340.500	340.500					x				
801	Máy cất nước	Khoa Chông nhiễm khuẩn+Nhà đại thể	1	70.191		70.191				x				
802	Máy cấy máu tự động	Khoa Xét Nghiệm	1	792.000		792.000				x				
803	Lồng ấp sơ sinh	Khoa Nhi	1	279.400	279.400		46.567			x				
804	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa HSCC	1	497.500	497.500					x				
805	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa HSCC	1	497.500	497.500					x				
806	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa HSCC	1	497.500	497.500					x				
807	Máy chiếu thử thị lực	Khoa Chuyên Khoa	1	49.000		49.000	42.875			x				
808	Máy chiếu thử thị lực	Khoa Dược	1	24.700		24.700				x				
809	Máy chủ IBMx3500M4	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	203.900		203.900				x				
810	Máy chủ IBMx3500M4	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	203.900		203.900				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
811	Máy chụp cắt lớp Scanner	Khoa CĐHA	1	7.390.000		7.390.000				x				
812	Máy điện não	Khoa CĐHA	1	589.890	589.890		516.154			x				
813	Máy điện não đồ	Khoa CĐHA	1	232.764		232.764				x				
814	Máy điện tim	Khoa HSCC	1	65.000	65.000		56.875			x				
815	Máy điện tim 2	Khoa Nội	1	65.000	65.000		56.875			x				
816	Máy điện tim 3 cần Cardiopax	Khoa HSCC	1	29.985		29.985				x				
817	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa HSCC	1	497.500	497.500					x				
818	Logo + Bộ chữ TTYT	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	10.800	10.800		810			x				
819	Lò đốt rác thải y tế công suất 25kg rác/giờ + Nâng cao ống khói của lò đốt rác	TTYT	1	1.463.079	1.463.079					x				
820	Lấy dị vật răng chuột nhiều răng, ngầm cá sấu	Khoa CĐHA	1	14.818	14.818					x				
821	Hệ thống sắc thuốc và đóng gói tự động(Máy sắc thuốc đông y, máy đóng túi)	Khoa Đông Y	1	219.800		219.800				x				
822	Hệ thống theo dõi Monitor trung tâm 16 kết nối	Khoa HSCC	1	441.000		441.000	185.220			x				
823	Hệ thống thiết bị phẫu thuật nội soi ổ bụng full HD	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	2.841.000	2.841.000		2.485.875			x				
824	Hệ thống xếp hàng tự động	Khoa Phòng Khám	1	41.684		41.684				x				
825	Hệ thống XQ kỹ thuật số	Khoa Dược	1	1.518.000	1.518.000					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
826	Hệ thống XQ kỹ thuật số(Gồm: Tầm nhận ảnh,máy phát cao tần, Bộ chuẩn tia, Bóng X-Q Model:E7252X - Nhật, Bàn chụp XQ bằng bánh xe, hệ thống chuyên động,Hệ thống phần mềm chụp và xử lý ảnh, Trạm làm việc,Kết nối,Phụ kiện đồng bộ kèm theo, Nguồn điện sử dụng, Máy in phim khô KTS: Model: Hệ thống xử lý nước dùng cho máy chạy thận nhân tạo	Khoa CDHA	1	3.445.000	3.445.000					x				
827	Hệ thống xử lý nước dùng cho máy chạy thận nhân tạo	Khoa HSCC	1	297.000	297.000					x				
828	Hệ thống xử lý nước thải	TTYT	1	700.536	700.536					x				
829	Hệ thống xử lý nước thải y tế	TTYT	1	576.366	576.366					x				
830	Hệ thống xử lý và thu gom chất thải lỏng y tế	TTYT	1	8.845.137	8.845.137					x				
831	Hệ thống: khoan, cưa, mài xương phẫu thuật thần kinh đa năng	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	1.375.000	1.375.000		1.203.125			x				
832	Hộp thử kính, Gọng kính	Khoa Chuyên Khoa	1	15.435		15.435				x				
833	Kè đá chống sạt lở	TTYT	1	470.513	470.513		141.154			x				
834	Kho trung tâm	TTYT	1	475.446	475.446		356.585			x				
835	Kim bấm clip Polymer nội soi	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	30.000		30.000				x				
836	Kính hiển vi 2 mắt	Khoa Xét Nghiệm	1	24.158		24.158				x				
837	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm Y tế xã Hà Lâu	1	24.002	24.002					x				
838	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm Y tế xã Đại Dực	1	24.002	24.002					x				
839	Kính hiển vi 2 mắt (3 đường truyền quang)	Khoa Xét Nghiệm	1	75.075		75.075	22.523			x				
840	Kính hiển vi 2 mắt (3 đường truyền quang)	Khoa Xét Nghiệm	1	75.075		75.075	22.523			x				
841	Kính hiển vi phẫu thuật	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	249.500	249.500		218.313			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
842	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Khoa Dược	1	98.249		98.249				x				
843	Kính lúp soi nổi	Khoa Dược	1	50.061		50.061	15.018			x				
844	Kính lúp soi nổi	Khoa Dược	1	50.061		50.061	15.018			x				
845	Lập BCKTKT HT phần mềm QL BV	TTYT	1	23.359		23.359				x				
846	Lắp đặt hệ thống khí oxy áp lực	Khoa HSCC	1	86.000		86.000				x				
847	Lắp vách ngăn phòng khoa SKSS,	TTYT	1	41.040	41.040					x				
848	Hệ thống phẫu thuật nội soi, kèm bộ dụng cụ PT nội soi ổ bụng	Khoa Dược	1	954.000		954.000				x				
849	Máy điện tim 3 kênh	Trạm Y tế xã Đồng Rui	1	23.200	23.200					x				
850	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
851	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
852	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
853	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Dược	1	15.225	15.225		5.709			x				
854	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
855	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	15.225	15.225		5.709			x				
856	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
857	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
858	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Phòng tổ chức-hành chính	1	15.225	15.225		5.709			x				
859	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
860	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Phòng tổ chức-hành chính	1	15.225	15.225		5.709			x				
861	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
862	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
863	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CC Lưu	1	15.225	15.225		5.709			x				
864	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CC Lưu	1	15.225	15.225		5.709			x				
865	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
866	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa Xét Nghiệm	1	22.792	22.792		8.547			x				
867	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa HSCC	1	22.792	22.792		8.547			x				
868	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	22.792	22.792		8.547			x				
869	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	22.792	22.792		8.547			x				
870	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa Xét Nghiệm	1	22.792	22.792		8.547			x				
871	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa Xét Nghiệm	1	22.792	22.792		8.547			x				
872	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	22.792	22.792		8.547			x				
873	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa HSCC	1	22.792	22.792		8.547			x				
874	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	22.792	22.792		8.547			x				
875	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa HSCC	1	22.792	22.792		8.547			x				
876	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa HSCC	1	22.792	22.792		8.547			x				
877	Điều hòa treo tường 18000BTU loại 2 chiều	Khoa HSCC	1	22.792	22.792		8.547			x				
878	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
879	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Xét Nghiệm	1	15.225	15.225		5.709			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
880	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Phòng tổ chức-hành chính	1	15.225	15.225		5.709			x				
881	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa HSCC	1	15.225	15.225		5.709			x				
882	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	15.225	15.225		5.709			x				
883	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CC Lưu	1	15.225	15.225		5.709			x				
884	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Phòng tổ chức-hành chính	1	15.225	15.225		5.709			x				
885	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Dược	1	15.225	15.225		5.709			x				
886	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Đông Y	1	15.225	15.225		5.709			x				
887	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
888	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
889	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Nhi	1	15.225	15.225		5.709			x				
890	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CC Lưu	1	15.225	15.225		5.709			x				
891	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
892	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	15.225	15.225		5.709			x				
893	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
894	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	15.225	15.225		5.709			x				
895	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
896	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
897	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Dược	1	15.225	15.225		5.709			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
898	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
899	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa HSCC	1	15.225	15.225		5.709			x				
900	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Dược	1	15.225	15.225		5.709			x				
901	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	15.225	15.225		5.709			x				
902	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	15.225	15.225		5.709			x				
903	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	15.225	15.225		5.709			x				
904	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Xét Nghiệm	1	15.225	15.225		5.709			x				
905	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
906	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	15.225	15.225		5.709			x				
907	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	15.225	15.225		5.709			x				
908	Điều hòa treo tường 12000BTU loại 2 chiều	Phòng tổ chức-hành chính	1	15.225	15.225		5.709			x				
909	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				
910	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Nội	1	19.500		19.500	7.313			x				
911	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	12.474	12.474		4.678			x				
912	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Đông Y	1	12.474	12.474		4.678			x				
913	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Nội	1	19.500		19.500	7.313			x				
914	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.500		19.500	7.313			x				
915	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.500		19.500	7.313			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
916	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
917	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
918	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
919	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
920	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
921	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
922	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
923	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
924	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
925	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
926	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.500		19.500	7.313			x				
927	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
928	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
929	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.500		19.500	7.313			x				
930	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
931	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	19.500		19.500	7.313			x				
932	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
933	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
934	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
935	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
936	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
937	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
938	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
939	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
940	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
941	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
942	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Sản	1	19.500		19.500	7.313			x				
943	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				
944	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Đông Y	1	12.474	12.474		4.678			x				
945	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	12.474	12.474		4.678			x				
946	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Ngoại	1	12.474	12.474		4.678			x				
947	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				
948	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				
949	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1	12.474	12.474		4.678			x				
950	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Đông Y	1	12.474	12.474		4.678			x				
951	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
952	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				
953	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				
954	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				
955	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa HSCC	1	12.474	12.474		4.678			x				
956	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	12.474	12.474		4.678			x				
957	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Phòng tài chính kế toán	1	12.474	12.474		4.678			x				
958	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Sản	1	12.474	12.474		4.678			x				
959	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				
960	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa CDHA	1	12.474	12.474		4.678			x				
961	Dụng cụ bàn giao ban hội trường	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	31.350	31.350					x				
962	Đường bê tông khu truyền nhiễm	TTYT	1	99.457	99.457		74.592			x				
963	Đường bê tông vào BV	TTYT	1	1.875.284	1.875.284		634.211			x				
964	Ghế khám điều trị RHM	Khoa Phòng Khám	1	178.000		178.000				x				
965	Ghế răng đơn giản	Trạm Y tế xã Đông Ngũ	1	57.432	57.432					x				
966	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
967	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
968	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa Ngoại	1	19.500		19.500	7.313			x				
969	Giường bệnh nhân đa năng 1 tay quay (Kèm tủ đầu giường)	Khoa HSCC	1	19.500		19.500	7.313			x				
970	Điều hòa treo tường 9000BTU loại 2 chiều	Khoa Phòng Khám	1	12.474	12.474		4.678			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
971	Xe đẩy dụng cụ cấp cứu	Khoa Nhi	1	45.000		45.000				x				
	Tổng cộng		975	178.883.150	135.238.206	43.644.944	63.970.567							

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ty Sông Hương

Bùi Văn Thế

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên
Mã đơn vị: 1123958
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	7.086.364	3.503.847													
1	Bàn mổ vụn năng thủy lực		56.325				x				Bán					
2	Bộ lưu điện Santace		39.688				x				Bán					
3	Bộ máy vi tính để bàn	14.400					x				Bán					
4	Bộ máy vi tính để bàn	14.400					x				Bán					
5	Bộ máy vi tính để bàn	14.400					x				Bán					
6	Bộ máy vi tính để bàn	14.400					x				Bán					
7	Bộ máy vi tính để bàn	12.000					x				Bán					
8	Bộ máy vi tính để bàn	12.000					x				Bán					
9	Bộ máy vi tính để bàn	15.000					x				Bán					
10	Bộ máy vi tính để bàn	12.000					x				Bán					
11	Bộ máy vi tính Đông Nam Á	12.000					x				Bán					
12	Bộ nội soi hậu môn, trực tràng ống cứng (Đức Nhật)	308.000					x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
13	Bộ nội soi mở thông và đặt nội khí quản		306.735				x				Bán					
14	Bơm tiêm điện		15.950				x				Bán					
15	Bơm tiêm điện		19.985				x				Bán					
16	Bơm tiêm điện		24.240				x				Bán					
17	Bơm tiêm tự động		19.985				x				Bán					
18	Bơm tiêm tự động		19.985				x				Bán					
19	Bồn rửa tay vô trùng một vòi		49.500				x				Bán					
20	Cửa cắt bột điện		21.500				x				Bán					
21	Đèn chiếu vàng da									x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Đèn mô treo trần ánh sáng lạnh		197.715				x				Bán					
23	Di chuyển trạm biến áp 160Kva	411.748					x				Bán					
24	Điều hòa		15.000				x				Bán					
25	Điều hòa		24.000				x				Bán					
26	Ghế răng đơn giản	57.432					x				Bán					
27	Giường cấp cứu BN đa năng		24.950				x				Bán					
28	Giường cấp cứu BN đa năng	25.000					x				Bán					
29	Giường hồi sức cấp cứu đa năng điều khiển bằng 2 tay quay		24.985				x				Bán					
30	Giường sưởi WARMER									x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
31	Hệ thống máy nội soi TMH		92.725				x				Bán					
32	Hệ thống xếp hàng tự động		41.684				x				Bán					
33	Kính hiển vi 2 mắt	24.002					x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
34	Kính hiển vi 2 mắt	24.002					x				Bán					
35	Lò đốt rác thải y tế công suất 25kg rác/giờ + Nâng cao ống khói của lò đốt rác	1.463.079					x				Bán					
36	Lưu điện UPS 3KVA dùng cho máy huyết học		28.000				x				Bán					
37	Máy cất nước		70.191				x				Bán					
38	Máy điện não đồ		232.764				x				Bán					
39	Máy điện tim 3 cần Cardiopax		29.985				x				Bán					
40	Máy điện tim 3 kênh	23.200					x				Bán					
41	Máy điện tim 3 kênh	23.200					x				Bán					
42	Máy điện tim 3 kênh	23.200					x				Bán					
43	Máy điện tim 6 cần		56.000				x				Bán					
44	Máy điện tim 6 cần		76.025				x				Bán					
45	Máy điều trị tần số thấp		69.285				x				Bán					
46	Máy đo độ loãng xương bằng sóng siêu âm		293.000				x				Bán					
47	Máy đo độ ồn		75.850				x				Bán					
48	Máy đo lực bóp tay và máy đo áp lực chân		48.000				x				Bán					
49	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu SPO2		25.500				x				Bán					
50	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu SPO2		25.500				x				Bán					
51	Máy đo nồng độ oxy trong máu SPO2		25.000				x				Bán					
52	Máy đo nồng độ oxy trong máu SPO2		25.000				x				Bán					
53	Máy đốt cổ tử cung	24.000					x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
54	Máy hút ẩm		13.000				x				Bán					
55	Máy hút dịch									x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
56	Máy hút dịch 2 bình		26.500				x				Bán					
57	Máy hút nhớt sơ sinh DY - 1A						x				Bán					
58	Máy in phim khô	288.000					x				Bán					
59	Máy kéo dẫn cổ cột sống		126.360				x				Bán					
60	Máy khí dung	14.800					x				Bán					
61	Máy khí dung	14.800					x				Bán					
62	Máy khoan xương điện		32.000				x				Bán					
63	Máy li tâm	45.600					x				Bán					
64	Máy nén khí Staxel 3.5	405.000					x				Bán					
65	Máy phô tô	37.350					x				Bán					
66	Máy photocopy		47.000				x				Bán					
67	Máy photocopy đa chức năng		46.900				x				Bán					
68	Máy phun hóa chất khử trùng		40.240				x				Bán					
69	Máy phun hóa chất khử trùng		40.240				x				Bán					
70	Máy sắc thuốc và đông gọi tự động		63.500				x				Bán					
71	Máy siêu âm chẩn đoán sách tay (Quỹ toàn cầu)	190.807					x				Bán					
72	Máy siêu âm điều trị đa tần		77.220				x				Bán					
73	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
74	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
75	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
76	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
77	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
78	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
79	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
80	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
81	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
82	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
83	Máy tạo oxy di động	28.960					x				Bán					
84	Máy tính để bàn		11.800				x				Bán					
85	Máy tính để bàn		11.800				x				Bán					
86	Máy tính để bàn		11.800				x				Bán					
87	Máy tính xách tay	14.500					x				Bán					
88	Máy tính xách tay Dell	14.990					x				Bán					
89	Máy vi tính		14.000				x				Bán					
90	Máy vi tính		14.000				x				Bán					
91	Máy xét nghiệm huyết học	245.039					x				Bán					
92	Máy xét nghiệm huyết học	126.594					x				Bán					
93	Máy xét nghiệm huyết học	245.039					x				Bán					
94	Máy xét nghiệm huyết học	245.039					x				Bán					
95	Máy xét nghiệm nước tiểu	24.833					x				Bán					
96	Máy xét nghiệm nước tiểu	24.833					x				Bán					
97	Máy xét nghiệm nước tiểu	29.000					x				Bán					
98	Máy xét nghiệm nước tiểu	29.000					x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
99	Máy xét nghiệm nước tiểu	29.000					x				Bán					
100	Máy xét nghiệm nước tiểu	24.833					x				Bán					
101	Máy xét nghiệm nước tiểu	24.833					x				Bán					
102	Máy xét nghiệm nước tiểu	16.590					x				Bán					
103	Máy xét nghiệm sinh hóa	35.165					x				Bán					
104	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1.784.600					x				Bán					
105	Máy XN đo tốc độ lắng máu		70.000				x				Bán					
106	Máy XN nước tiểu 11 thông số	25.000					x				Bán					
107	Monitor theo dõi BN	147.600					x				Bán					
108	Monitor theo dõi BN		75.000				x				Bán					
109	Monitor theo dõi sản khoa		98.000				x				Bán					
110	Nồi hấp tiệt trùng SA 300VF		98.000				x				Bán					
111	Ổn áp rô bốt 3 pha		74.500				x				Bán					
112	phần mềm quản lý BV									x	ghi giảm số tài sản					
113	Sửa chữa lò đốt rác thải y tế		97.155							x						
114	Tháo dỡ và lắp dựng nhà để xe BV		109.692							x						
115	Thùng đựng vắc xin		12.000				x				Bán					
116	Tivi LG 42 ích		10.250				x				Bán					
117	Tủ âm		41.728				x				Bán					
118	Tủ lạnh sinh phẩm		37.775				x				Bán					
119	Tủ sấy điện	35.250					x				Bán					
120	Tủ sấy điện	35.250					x				Bán					
121	Tủ sấy điện	35.250					x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
122	Tủ sấy điện	35.250					x				Bán					
123	Tủ sấy điện 220 độ loại vừa		35.000				x				Bán					
124	Tủ sấy điện 250 độ C 256 lít		56.000				x				Bán					
125	Tủ sấy dụng cụ	16.500					x				Bán					
126	Tủ sấy khô		37.335				x				Bán					
	Tổng cộng	7.086.364	3.503.847													

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ty Sông Hương

Bùi Văn Thế